

Bài thi định dạng Vstep 3

Ngày thi: 26/03/2022

Phòng số : 1

P. 401 A2

STT	HỌ TÊN	MSSV	SBD	CTĐT	NGÀY SINH	TRƯỜNG	KÝ NỢP				Ghi chú
							Đọc	Nghe	Viết	Nói	
1	Hồ Thị Kim An	18040244	260001	Chuẩn	02/08/2022	ĐHNN					
2	Nguyễn Duy An	18020102	260002	Chuẩn	27/01/2000	ĐHCN					
3	Nguyễn Thị Thúy An	18050001	260003	Chuẩn	22/06/2000	ĐHKT					
4	Nguyễn Văn An	18020108	260004	Chuẩn	02/07/2000	ĐHCN					
5	Nguyễn Văn An	18050002	260005	Chuẩn	31/08/1999	ĐHKT					
6	An Ngọc Anh	18041089	260006	Chuẩn	15/09/2000	ĐHNN					
7	Cao Thị Phương Anh	18020158	260007	Chuẩn	24/04/2000	ĐHCN					
8	Đào Thị Ngọc Anh	18000474	260008	Chuẩn	09/09/2000	ĐHKHTN					
9	Đào Trâm Anh	15067001	260009	Chuẩn	02/03/2022	K. Luật					
10	Hoàng Phương Anh	16042394	260010	Chuẩn	15/10/1998	ĐHNN					
11	Hoàng Tuấn Anh	17001653	260011	Chuẩn	10/09/1999	ĐHKHTN					
12	Lê Hải Anh	18050004	260012	Chuẩn	16/06/2000	ĐHKT					
13	Lê Thị Ngọc Anh	18050005	260013	Chuẩn	29/03/2000	ĐHKT					
14	Lê Thị Quỳnh Anh	18063002	260014	Chuẩn	18/09/2000	K. Luật					
15	Lê Thùy Anh	16051400	260015	Chuẩn	26/08/1998	ĐHKT					
16	Nghiêm Hoàng Anh	18061227	260016	Chuẩn	14/11/2000	K. Luật					
17	Ngô Diệp Anh	18050007	260017	Chuẩn	19/10/2000	ĐHKT					
18	Ngô Hải Anh	18041066	260018	Chuẩn	13/08/2000	ĐHNN					
19	Nguyễn Duy Anh	18001229	260019	Chuẩn	25/12/2000	ĐHKHTN					
20	Nguyễn Đức Anh	18020127	260020	Chuẩn	20/12/2000	ĐHCN					
21											
22											

Danh sách gồm: ..... sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Số có mặt...

Số vắng mặt...

Giám thị 1: .....

Trong đó:

Đọc...

Nghe...

Viết...

Nói...

Giám thị 2: .....

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2022

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

Bài thi định dạng Vstep 3

Ngày thi: 26/03/2022

Phòng số : 2

P. 402 A2

STT	HỌ TÊN	MSSV	SBD	CTĐT	NGÀY SINH	TRƯỜNG	KÝ NỘP				Ghi chú
							Đọc	Nghe	Viết	Nói	
1	Nguyễn Hà Anh	18040905	260021	Chuẩn	04/06/2000	ĐHNN					
2	Nguyễn Hữu Nam Anh	17020578	260022	Chuẩn	24/01/1999	ĐHCN					
3	Nguyễn Lệnh Tú Anh	17000950	260023	Chuẩn	09/04/1999	ĐHKHTN					
4	Nguyễn Mai Anh	18040213	260024	Chuẩn	15/01/2000	ĐHNN					
5	Nguyễn Minh Anh	15004155	260025	Chuẩn	29/11/1997	ĐHKHTN					
6	Nguyễn Ngọc Vân Anh	18061197	260026	Chuẩn	25/07/2000	K. Luật					
7	Nguyễn Thị Anh	16003316	260027	Chuẩn	23/03/1998	ĐHKHTN					
8	Nguyễn Thị Mai Anh	18010310	260028	Chuẩn	14/05/2000	ĐHGD					
9	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	18061308	260029	Chuẩn	07/09/2000	K. Luật					
10	Nguyễn Việt Đức Anh	16100004	260030	Chuẩn	07/10/1997	K. Y-D					
11	Phạm Mai Anh	17010242	260031	Chuẩn	26/09/1999	ĐHGD					
12	Phạm Ngọc Việt Anh	17041084	260032	Chuẩn	12/07/1999	ĐHNN					
13	Phạm Phương Anh	17050313	260033	Chuẩn	16/02/1999	ĐHKT					
14	Phạm Phương Anh	18050014	260034	Chuẩn	17/12/2000	ĐHKT					
15	Phạm Tuấn Anh	17020588	260035	Chuẩn	31/08/1999	ĐHCN					
16	Phạm Thị Phương Anh	18050199	260036	Chuẩn	27/05/2000	ĐHKT					
17	Phạm Thuý Anh	17100083	260037	Chuẩn	26/06/1999	K. Y-D					
18	Phạm Việt Anh	18000729	260038	Chuẩn	14/10/2000	ĐHKHTN					
19	Phan Thị Vân Anh	18061301	260039	Chuẩn	12/03/2000	K. Luật					
20	Trần Hà Anh	17050104	260040	Chuẩn	18/06/1999	ĐHKT					
21											
22											

Danh sách gồm: ..... sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Số có mặt...

Số vắng mặt...

Giám thị 1: .....

Trong đó:

Đọc...

Nghe...

Viết...

Nói...

Giám thị 2: .....

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2022

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

STT	HỌ TÊN	MSSV	SBD	CTĐT	NGÀY SINH	TRƯỜNG	KÝ NỢP				Ghi chú
							Đọc	Nghe	Viết	Nói	
1	Trần Minh Anh	16041902	260041	Chuẩn	29/09/1998	ĐHNN					
2	Trần Thị Ngọc Anh	18000120	260042	Chuẩn	12/04/2000	ĐHKHTN					
3	Trịnh Phan Anh	16020508	260043	Chuẩn	19/09/1997	ĐHCN					
4	Vũ Bá Hoàng Anh	17001423	260044	Chuẩn	03/12/1999	ĐHKHTN					
5	Vũ Hà Anh	17010202	260045	Chuẩn	04/12/1999	ĐHGD					
6	Vũ Hoàng Anh	18002003	260046	Chuẩn	12/10/2000	ĐHKHTN					
7	Vũ Ngọc Anh	18063011	260047	Chuẩn	28/03/2000	K. Luật					
8	Vũ Thị Mai Anh	17041093	260048	Chuẩn	31/07/1999	ĐHNN					
9	Vũ Thị Ngọc Anh	18000010	260049	Chuẩn	12/05/2000	ĐHKHTN					
10	Dương Ngọc Ánh	18010508	260050	Chuẩn	22/10/1999	ĐHGD					
11	Dương Ngô Vân Ánh	18030206	260051	Chuẩn	07/07/2000	KHXHNV					
12	Đỗ Thị Ngọc Ánh	17001694	260052	Chuẩn	05/03/1999	ĐHKHTN					
13	Ngô Sông Ánh	18010118	260053	Chuẩn	15/06/2000	ĐHGD					
14	Nguyễn Hồng Ánh	18020176	260054	Chuẩn	11/01/2000	ĐHCN					
15	Nguyễn Kim Ánh	18010510	260055	Chuẩn	24/09/2000	ĐHGD					
16	Phạm Thị Ngọc Ánh	18000012	260056	Chuẩn	27/05/2000	ĐHKHTN					
17	Phan Thị Ngọc Ánh	18050017	260057	Chuẩn	30/07/2000	ĐHKT					
18	Phan Thị Ngọc Ánh	17000756	260058	Chuẩn	08/11/1999	ĐHKHTN					
19	Lưu Xuân Bách	18020193	260059	Chuẩn	21/05/2000	ĐHCN					
20	Trần Xuân Bách	17100086	260060	Chuẩn	26/07/1999	K. Y-D					
21											
22											

Danh sách gồm: ..... sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Số có mặt...

Số vắng mặt...

Giám thị 1: .....

Trong đó:

Đọc...

Nghe...

Viết...

Nói...

Giám thị 2: .....

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2022

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

Bài thi định dạng Vstep 3

Ngày thi: 26/03/2022

Phòng số : 4

P. 404 A2

STT	HỌ TÊN	MSSV	SBD	CTĐT	NGÀY SINH	TRƯỜNG	KÝ NỘP				Ghi chú
							Đọc	Nghe	Viết	Nói	
1	Nguyễn Đình Bảo	17020240	260061	Chuẩn	25/03/1999	ĐHCN					
2	Nguyễn Thị Thanh Bảo	18020201	260062	Chuẩn	11/07/2000	ĐHCN					
3	Trịnh Ngọc Bảo	16002847	260063	Chuẩn	30/06/1998	ĐHKHTN					
4	Nguyễn Xuân Bắc	17041380	260064	Chuẩn	10/02/1999	ĐHNN					
5	Trần Việt Bắc	18020185	260065	Chuẩn	23/05/1999	ĐHCN					
6	Nhữ Văn Bằng	17000428	260066	Chuẩn	02/12/1999	ĐHKHTN					
7	Trần Thị Lâm Bằng	16042550	260067	Chuẩn	14/01/1998	ĐHNN					
8	Võ Lương Bằng	18020198	260068	Chuẩn	18/10/2000	ĐHCN					
9	Nguyễn Thị Bích	18041044	260069	Chuẩn	31/05/1999	ĐHNN					
10	Phạm Cơ Bình	17020607	260070	Chuẩn	04/12/1999	ĐHCN					
11	Trần Thị Bình	16003481	260071	Chuẩn	14/09/1997	ĐHKHTN					
12	Đào Đình Công	18020243	260072	Chuẩn	03/10/2000	ĐHCN					
13	Lê Văn Công	16020859	260073	Chuẩn	05/10/1998	ĐHCN					
14	Nguyễn Duy Công	17021182	260074	Chuẩn	09/04/1999	ĐHCN					
15	Nguyễn Đức Công	16100011	260075	Chuẩn	15/01/1998	K. Y-D					
16	Hoàng Thị Cúc	17001793	260076	Chuẩn	06/08/1998	ĐHKHTN					
17	Trịnh Tiến Cường	18000953	260077	Chuẩn	12/08/2000	ĐHKHTN					
18	Vi Hồng Cường	16100012	260078	Chuẩn	21/08/1991	K. Y-D					
19	Vương Quốc Cường	17020630	260079	Chuẩn	28/02/1999	ĐHCN					
20	Nguyễn Thị Minh Châm	18000127	260080	Chuẩn	23/09/2000	ĐHKHTN					
21											
22											

Danh sách gồm: ..... sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Số có mặt...

Số vắng mặt...

Giám thị 1: .....

Trong đó:

Đọc...

Nghe...

Viết...

Nói...

Giám thị 2: .....

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2022

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

Bài thi định dạng Vstep 3

Ngày thi: 26/03/2022

Phòng số : 5

P. 406 A2

STT	HỌ TÊN	MSSV	SBD	CTĐT	NGÀY SINH	TRƯỜNG	KÝ NỘP				Ghi chú
							Đọc	Nghe	Viết	Nói	
1	Bùi Ngọc Linh Chi	17000141	260081	Chuẩn	25/07/1999	ĐHKHTN					
2	Đặng Mai Chi	18063071	260082	Chuẩn	05/09/2000	K. Luật					
3	Ngô Thị Quỳnh Chi	17041382	260083	Chuẩn	07/09/1999	ĐHNN					
4	Nguyễn Ngọc Chi	18020221	260084	Chuẩn	14/08/2000	ĐHCN					
5	Nguyễn Thị Chi	17000011	260085	Chuẩn	19/12/1999	ĐHKHTN					
6	Nguyễn Thị Kim Chi	16061566	260086	Chuẩn	18/01/1998	K. Luật					
7	Vì Thị Kim Chi	18000130	260087	Chuẩn	06/02/2000	ĐHKHTN					
8	Vũ Thị Linh Chi	18041021	260088	Chuẩn	07/02/2000	ĐHNN					
9	Mẫn Công Chiến	18020227	260089	Chuẩn	01/06/2000	ĐHCN					
10	Nguyễn Thị Thu Chúc	18041077	260090	Chuẩn	10/09/2000	ĐHNN					
11	Nguyễn Bá Chung	18020237	260091	Chuẩn	31/01/2000	ĐHCN					
12	Nguyễn Văn Chung	18061058	260092	Chuẩn	24/09/2000	K. Luật					
13	Hà Thị Chuyên	17050768	260093	Chuẩn	17/03/1998	ĐHKT					
14	Nguyễn Duy Chương	17020616	260094	Chuẩn	01/11/1999	ĐHCN					
15	Đàm Thị Huyền Diễm	18040900	260095	Chuẩn	04/09/2000	ĐHNN					
16	Phan Thị Diên	17000956	260096	Chuẩn	20/01/1999	ĐHKHTN					
17	Nguyễn Cường Diện	18000765	260097	Chuẩn	15/12/2000	ĐHKHTN					
18	Lưu Thị Ngọc Diệp	17041047	260098	Chuẩn	12/01/1999	ĐHNN					
19	Nguyễn Hoàng Ngọc Diệp	17040256	260099	Chuẩn	18/03/1999	ĐHNN					
20	Nguyễn Thị Thùy Dinh	18000486	260100	Chuẩn	05/11/2000	ĐHKHTN					
21											
22											

Danh sách gồm: ..... sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Số có mặt...

Số vắng mặt...

Giám thị 1: .....

Trong đó:

Đọc...

Nghe...

Viết...

Nói...

Giám thị 2: .....

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2022

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

Bài thi định dạng Vstep 3

Ngày thi: 26/03/2022

Phòng số : 6

P. 407 A2

STT	HỌ TÊN	MSSV	SBD	CTĐT	NGÀY SINH	TRƯỜNG	KỶ NỘP				Ghi chú
							Đọc	Nghe	Viết	Nói	
1	Nguyễn Quang Dĩnh	18020305	260101	Chuẩn	16/07/2000	ĐHCN					
2	Vũ Thị Dịu	18020310	260102	Chuẩn	29/10/2000	ĐHCN					
3	Trần Thị Doan	16042610	260103	Chuẩn	11/02/1998	ĐHNN					
4	Đặng Thị Phương Dung	18000618	260104	Chuẩn	30/03/2000	ĐHKHTN					
5	Đoàn Thị Kim Dung	17041100	260105	Chuẩn	19/02/1999	ĐHNN					
6	Nguyễn Thị Dung	18020357	260106	Chuẩn	04/06/2000	ĐHCN					
7	Nguyễn Thị Thu Dung	17031942	260107	Chuẩn	22/11/1999	KHXHNV					
8	Nguyễn Thuỳ Dung	16100070	260108	Chuẩn	22/09/1998	K. Y-D					
9	Dư Trí Dũng	18000956	260109	Chuẩn	03/01/2000	ĐHKHTN					
10	Đỗ Tiến Dũng	18063027	260110	Chuẩn	01/03/2000	K. Luật					
11	Lê Tuấn Dũng	18020380	260111	Chuẩn	16/08/2000	ĐHCN					
12	Ngô Tiến Dũng	18000703	260112	Chuẩn	22/11/2000	ĐHKHTN					
13	Nguyễn Mạnh Dũng	18050029	260113	Chuẩn	16/08/2000	ĐHKT					
14	Nguyễn Quốc Dũng	18020361	260114	Chuẩn	10/07/2000	ĐHCN					
15	Nguyễn Việt Dũng	16031518	260115	Chuẩn	26/12/1998	KHXHNV					
16	Nguyễn Đức Duy	18010129	260116	Chuẩn	09/06/2000	ĐHGD					
17	Nguyễn Hùng Duy	18020419	260117	Chuẩn	29/05/2000	ĐHCN					
18	Nguyễn Mạnh Duy	18020416	260118	Chuẩn	13/08/2000	ĐHCN					
19	Nguyễn Văn Duy	18020411	260119	Chuẩn	01/05/2000	ĐHCN					
20	Nguyễn Viết Tuấn Duy	17020649	260120	Chuẩn	14/12/1998	ĐHCN					
21											
22											

Danh sách gồm: ..... sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Số có mặt...

Số vắng mặt...

Giám thị 1: .....

Trong đó:

Đọc...

Nghe...

Viết...

Nói...

Giám thị 2: .....

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2022

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

Bài thi định dạng Vstep 3

Ngày thi: 26/03/2022

Phòng số : 7

P. 408 A2

STT	HỌ TÊN	MSSV	SBD	CTĐT	NGÀY SINH	TRƯỜNG	KÝ NỘP				Ghi chú
							Đọc	Nghe	Viết	Nói	
1	Trương Khánh Duy	18020415	260121	Chuẩn	16/08/2000	ĐHCN					
2	Vũ Đức Duy	16022364	260122	Chuẩn	07/07/1998	ĐHCN					
3	Đào Thị Mỹ Duyên	18061064	260123	Chuẩn	13/11/2000	K. Luật					
4	Đoàn Thị Ánh Duyên	18000382	260124	Chuẩn	09/11/2000	ĐHKHTN					
5	Hoàng Thị Duyên	18000897	260125	Chuẩn	22/05/1999	ĐHKHTN					
6	Lê Thị Duyên	17000170	260126	Chuẩn	05/01/1998	ĐHKHTN					
7	Nguyễn Thị Duyên	18050036	260127	Chuẩn	28/08/2000	ĐHKT					
8	Vũ Thị Duyên	17050471	260128	Chuẩn	15/11/1999	ĐHKT					
9	Đại Văn Dương	16021856	260129	Chuẩn	16/07/1997	ĐHCN					
10	Hoàng Đức Dương	18050031	260130	Chuẩn	23/12/2000	ĐHKT					
11	Hoàng Văn Dương	18020392	260131	Chuẩn	12/07/1998	ĐHCN					
12	Nguyễn Hồng Dương	18061198	260132	Chuẩn	25/04/2000	K. Luật					
13	Nguyễn Tùng Dương	18040899	260133	Chuẩn	26/06/2000	ĐHNN					
14	Nguyễn Thị Thùy Dương	18050033	260134	Chuẩn	29/05/2000	ĐHKT					
15	Phạm Thị Thùy Dương	18041064	260135	Chuẩn	11/09/2000	ĐHNN					
16	Phạm Thùy Dương	16040858	260136	Chuẩn	11/03/1997	ĐHNN					
17	Trần Thùy Dương	18050034	260137	Chuẩn	16/06/2000	ĐHKT					
18	Vũ Đức Dương	18020400	260138	Chuẩn	19/03/2000	ĐHCN					
19	Phạm Trọng Đại	18020264	260139	Chuẩn	28/09/2000	ĐHCN					
20	Bạch Trọng Đạo	18020274	260140	Chuẩn	04/04/2000	ĐHCN					
21											
22											

Danh sách gồm: ..... sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Số có mặt...

Số vắng mặt...

Giám thị 1: .....

Trong đó:

Đọc...

Nghe...

Viết...

Nói...

Giám thị 2: .....

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2022

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

Bài thi định dạng Vstep 3

Ngày thi: 26/03/2022

Phòng số : 8

P. 501 A2

STT	HỌ TÊN	MSSV	SBD	CTĐT	NGÀY SINH	TRƯỜNG	KÝ NỢP				Ghi chú
							Đọc	Nghe	Viết	Nói	
1	Hồ Đức Đạt	17021183	260141	Chuẩn	26/11/1999	ĐHCN					
2	Khuất Duy Đạt	18020283	260142	Chuẩn	05/08/2000	ĐHCN					
3	Lê Vũ Trọng Đạt	18061289	260143	Chuẩn	27/11/2000	K. Luật					
4	Ngô Văn Đạt	17020674	260144	Chuẩn	30/10/1999	ĐHCN					
5	Nguyễn Thành Đạt	18020291	260145	Chuẩn	02/06/2000	ĐHCN					
6	Phùng Quang Đạt	18020284	260146	Chuẩn	16/02/2000	ĐHCN					
7	Nguyễn Tiến Điệp	18020302	260147	Chuẩn	18/07/2000	ĐHCN					
8	Hoàng Văn Định	17020684	260148	Chuẩn	20/01/1999	ĐHCN					
9	Trần Đình Định	16050883	260149	Chuẩn	28/08/1993	ĐHKT					
10	Lê Tiến Đoàn	18020312	260150	Chuẩn	22/02/2000	ĐHCN					
11	Nguyễn Phương Đông	18001116	260151	Chuẩn	13/01/2000	ĐHKHTN					
12	Hoàng Ngọc Đức	18020320	260152	Chuẩn	22/10/2000	ĐHCN					
13	Lê Năng Đức	18020348	260153	Chuẩn	17/09/2000	ĐHCN					
14	Lưu Tuấn Đức	17001181	260154	Chuẩn	10/11/1999	ĐHKHTN					
15	Nguyễn Chương Đức	18020353	260155	Chuẩn	20/11/2000	ĐHCN					
16	Nguyễn Huyền Đức	18010314	260156	Chuẩn	04/01/2000	ĐHGD					
17	Phạm Trung Đức	16020346	260157	Chuẩn	07/01/1998	ĐHCN					
18	Phan Đăng Minh Đức	18020332	260158	Chuẩn	14/05/2000	ĐHCN					
19	Phan Thái Đức	18000024	260159	Chuẩn	19/05/2000	ĐHKHTN					
20	Phan Việt Đức	18020340	260160	Chuẩn	06/12/2000	ĐHCN					
21											
22											

Danh sách gồm: ..... sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Số có mặt...

Số vắng mặt...

Giám thị 1: .....

Trong đó:

Đọc...

Nghe...

Viết...

Nói...

Giám thị 2: .....

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2022

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

Bài thi định dạng Vstep 3

Ngày thi: 26/03/2022

Phòng số : 9

P. 502 A2

STT	HỌ TÊN	MSSV	SBD	CTĐT	NGÀY SINH	TRƯỜNG	KỶ NỘP				Ghi chú
							Đọc	Nghe	Viết	Nói	
1	Trịnh Văn Đức	17020702	260161	Chuẩn	04/12/1999	ĐHCN					
2	Vũ Minh Đức	18020329	260162	Chuẩn	28/03/2000	ĐHCN					
3	Vũ Trọng Đức	18010514	260163	Chuẩn	19/09/2000	ĐHGD					
4	Cần Thị Linh	17000306	260164	Chuẩn	31/08/1999	ĐHKHTN					
5	Hà Thị Hương	18001722	260165	Chuẩn	09/04/2000	ĐHKHTN					
6	Lê Thị Trà	17100091	260166	Chuẩn	04/04/1999	K. Y-D					
7	Lưu Thị Trà	18061242	260167	Chuẩn	18/01/2000	K. Luật					
8	Nguyễn Như	18061320	260168	Chuẩn	22/03/2000	K. Luật					
9	Nguyễn Thị Hương	18063061	260169	Chuẩn	27/01/2000	K. Luật					
10	Nguyễn Thu	18010134	260170	Chuẩn	24/07/2000	ĐHGD					
11	Phan Hương	18001236	260171	Chuẩn	24/03/2000	ĐHKHTN					
12	Trần Thị	18041083	260172	Chuẩn	27/09/2000	ĐHNN					
13	Bùi Thị	18041079	260173	Chuẩn	07/10/2000	ĐHNN					
14	Dương Thị	18050225	260174	Chuẩn	14/05/2000	ĐHKT					
15	Lê Hải	18061304	260175	Chuẩn	09/09/2000	K. Luật					
16	Nguyễn Nguyệt	18040322	260176	Chuẩn	15/02/2000	ĐHNN					
17	Nguyễn Thị Việt	18050040	260177	Chuẩn	12/12/2000	ĐHKT					
18	Nguyễn Thị Việt	17001133	260178	Chuẩn	11/06/1999	ĐHKHTN					
19	Nguyễn Việt	18041087	260179	Chuẩn	05/07/2000	ĐHNN					
20	Phạm Hồng	15000092	260180	Chuẩn	17/05/1997	ĐHKHTN					
21											
22											

Danh sách gồm: ..... sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Số có mặt...

Số vắng mặt...

Giám thị 1: .....

Trong đó:

Đọc...

Nghe...

Viết...

Nói...

Giám thị 2: .....

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2022

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

STT	HỌ TÊN	MSSV	SBD	CTĐT	NGÀY SINH	TRƯỜNG	KỶ NỘP				Ghi chú
							Đọc	Nghe	Viết	Nói	
1	Phạm Thị Hà	18040312	260181	Chuẩn	10/06/2000	ĐHNN					
2	Phùng Mạnh Hà	18010138	260182	Chuẩn	16/06/2000	ĐHGD					
3	Tạ Việt Hà	17100096	260183	Chuẩn	06/10/1999	K. Y-D					
4	Trần Thanh Hà	18040704	260184	Chuẩn	11/10/2000	ĐHNN					
5	Trần Thu Hà	18000492	260185	Chuẩn	27/11/2000	ĐHKHTN					
6	Vũ Ngọc Hà	18010140	260186	Chuẩn	12/06/2000	ĐHGD					
7	Hoàng Minh Hải	17000130	260187	Chuẩn	04/07/1999	ĐHKHTN					
8	Lê Đức Hải	18061330	260188	Chuẩn	29/10/2000	K. Luật					
9	Nguyễn Thị Thanh Hải	18010519	260189	Chuẩn	13/01/2000	ĐHGD					
10	Nguyễn Thị Thanh Hải	16030137	260190	Chuẩn	26/06/1998	KHXHNV					
11	Nguyễn Thuý Hải	16051569	260191	Chuẩn	11/01/1998	ĐHKT					
12	Ngô Kim Hạnh	17001553	260192	Chuẩn	08/03/1999	ĐHKHTN					
13	Nguyễn Mỹ Hạnh	18040795	260193	Chuẩn	26/10/2000	ĐHNN					
14	Nguyễn Thị Hạnh	18050047	260194	Chuẩn	01/06/2000	ĐHKT					
15	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	18010150	260195	Chuẩn	06/09/2000	ĐHGD					
16	Phùng Thị Hạnh	18050236	260196	Chuẩn	17/09/2000	ĐHKT					
17	Tăng Thị Hạnh	18050237	260197	Chuẩn	09/12/2000	ĐHKT					
18	Hoàng Dương Hào	18020460	260198	Chuẩn	16/08/2000	ĐHCN					
19	Kiều Văn Hào	16000458	260199	Chuẩn	01/09/1998	ĐHKHTN					
20	Nguyễn Văn Hào	18061148	260200	Chuẩn	27/03/2000	K. Luật					
21											
22											

Danh sách gồm: ..... sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Số có mặt...

Số vắng mặt...

Giám thị 1: .....

Trong đó:

Đọc...

Nghe...

Viết...

Nói...

Giám thị 2: .....

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2022

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

Bài thi định dạng Vstep 3

Ngày thi: 26/03/2022

Phòng số : 11

P. 504 A2

STT	HỌ TÊN	MSSV	SBD	CTĐT	NGÀY SINH	TRƯỜNG	KÝ NỢP				Ghi chú
							Đọc	Nghe	Viết	Nói	
1	Nguyễn Đình Hào	18020462	260201	Chuẩn	15/04/2000	ĐHCN					
2	Đỗ Thúy Hằng	18063081	260202	Chuẩn	27/02/2000	K. Luật					
3	Hạ Thị Hằng	18040225	260203	Chuẩn	13/04/2000	ĐHNN					
4	Lý Thị Thu Hằng	18050231	260204	Chuẩn	07/07/2000	ĐHKT					
5	Nguyễn Thu Hằng	18010146	260205	Chuẩn	12/01/2000	ĐHGD					
6	Vũ Thị Thu Hằng	17100100	260206	Chuẩn	22/06/1999	K. Y-D					
7	Nguyễn Công Hậu	18001127	260207	Chuẩn	08/12/2000	ĐHKHTN					
8	Trần Nhân Hậu	18002007	260208	Chuẩn	16/07/2000	ĐHKHTN					
9	Trần Thị Hậu	18000164	260209	Chuẩn	25/10/2000	ĐHKHTN					
10	Nguyễn Ngọc Bảo Hiên	18000965	260210	Chuẩn	22/03/2000	ĐHKHTN					
11	Trần Thị Hoa Hiên	18020469	260211	Chuẩn	21/03/2000	ĐHCN					
12	Bùi Minh Hiên	18000033	260212	Chuẩn	06/02/2000	ĐHKHTN					
13	Bùi Thị Hiên	18040891	260213	Chuẩn	14/04/2000	ĐHNN					
14	Bùi Thị Hiên	18061311	260214	Chuẩn	17/08/2000	K. Luật					
15	Lê Thị Thu Hiên	18000629	260215	Chuẩn	14/06/2000	ĐHKHTN					
16	Lê Thu Hiên	18001239	260216	Chuẩn	26/08/2000	ĐHKHTN					
17	Lương Thị Thu Hiên	18040262	260217	Chuẩn	24/09/2000	ĐHNN					
18	Ngô Thị Hiên	16022171	260218	Chuẩn	29/05/1998	ĐHCN					
19	Nguyễn Thị Hiên	18050053	260219	Chuẩn	08/12/2000	ĐHKT					
20	Nguyễn Thị Thanh Hiên	18000967	260220	Chuẩn	09/06/2000	ĐHKHTN					
21											
22											

Danh sách gồm: ..... sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Số có mặt...

Số vắng mặt...

Giám thị 1: .....

Trong đó:

Đọc...

Nghe...

Viết...

Nói...

Giám thị 2: .....

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2022

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

Bài thi định dạng Vstep 3

Ngày thi: 26/03/2022

Phòng số : 12

P. 506 A2

STT	HỌ TÊN	MSSV	SBD	CTĐT	NGÀY SINH	TRƯỜNG	KỶ NỘP				Ghi chú
							Đọc	Nghe	Viết	Nói	
1	Nguyễn Thu Hiền	18001240	260221	Chuẩn	28/03/2000	ĐHKHTN					
2	Phùng Thị Thanh Hiền	18000497	260222	Chuẩn	26/10/2000	ĐHKHTN					
3	Vũ Thị Thu Hiền	18040233	260223	Chuẩn	25/11/2000	ĐHNN					
4	Hoàng Mạnh Hiệp	18020474	260224	Chuẩn	19/04/2000	ĐHCN					
5	Nguyễn Bá Hiệp	17020734	260225	Chuẩn	31/10/1999	ĐHCN					
6	Dương Quang Hiếu	18020496	260226	Chuẩn	07/02/2000	ĐHCN					
7	Đỗ Đông Hiếu	18020514	260227	Chuẩn	05/06/2000	ĐHCN					
8	Lê Trung Hiếu	18000737	260228	Chuẩn	21/11/2000	ĐHKHTN					
9	Nguyễn Duy Hiếu	18063126	260229	Chuẩn	24/08/2000	K. Luật					
10	Nguyễn Ngọc Trung Hiếu	17001495	260230	Chuẩn	16/10/1999	ĐHKHTN					
11	Nguyễn Trịnh Minh Hiếu	18050057	260231	Chuẩn	27/02/2000	ĐHKT					
12	Phạm Trung Hiếu	16022476	260232	Chuẩn	25/10/1997	ĐHCN					
13	Trần Đức Hiếu	18020483	260233	Chuẩn	28/03/2000	ĐHCN					
14	Trần Đức Hiếu	18061231	260234	Chuẩn	23/08/2000	K. Luật					
15	Vũ Thanh Hiếu	18020516	260235	Chuẩn	17/11/2000	ĐHCN					
16	Vũ Trung Hiếu	18020504	260236	Chuẩn	10/02/2000	ĐHCN					
17	Chu Nhật Hoa	18061097	260237	Chuẩn	20/10/2000	K. Luật					
18	Đinh Thị Thanh Hoa	15001837	260238	Chuẩn	13/08/1996	ĐHKHTN					
19	Nguyễn Thị Thanh Hoa	18000401	260239	Chuẩn	07/09/2000	ĐHKHTN					
20	Nông Khánh Hoà	18061314	260240	Chuẩn	15/10/2000	K. Luật					
21											
22											

Danh sách gồm: ..... sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Số có mặt...

Số vắng mặt...

Giám thị 1: .....

Trong đó:

Đọc...

Nghe...

Viết...

Nói...

Giám thị 2: .....

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2022

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

STT	HỌ TÊN		MSSV	SBD	CTĐT	NGÀY SINH	TRƯỜNG	KÝ NỘP				Ghi chú
								Đọc	Nghe	Viết	Nói	
1	Dương Văn	Hòa	17020753	260241	Chuẩn	19/02/1999	ĐHCN					
2	Lê Thị Mai	Hòa	18000169	260242	Chuẩn	12/10/2000	ĐHKHTN					
3	Nguyễn Xuân	Hòa	18020525	260243	Chuẩn	19/10/2000	ĐHCN					
4	Đỗ Thị Thu	Hoài	18020530	260244	Chuẩn	13/09/2000	ĐHCN					
5	Hà Văn	Hoài	18020529	260245	Chuẩn	18/12/2000	ĐHCN					
6	Nguyễn Thị Thu	Hoài	17001604	260246	Chuẩn	14/05/1998	ĐHKHTN					
7	Vũ Hồng	Hoan	18001243	260247	Chuẩn	11/10/2000	ĐHKHTN					
8	Nguyễn Thị	Hoàn	17001148	260248	Chuẩn	10/08/1999	ĐHKHTN					
9	Nguyễn Việt	Hoàn	18020537	260249	Chuẩn	12/11/2000	ĐHCN					
10	Dương Văn	Hoàng	16022260	260250	Chuẩn	29/04/1998	ĐHCN					
11	Đình Lê	Hoàng	18020576	260251	Chuẩn	14/10/2000	ĐHCN					
12	Nguyễn Huy	Hoàng	18020546	260252	Chuẩn	01/04/2000	ĐHCN					
13	Nguyễn Lê Việt	Hoàng	18020574	260253	Chuẩn	15/03/2000	KHXHNV					
14	Nguyễn Minh	Hoàng	18000971	260254	Chuẩn	18/01/2001	ĐHKHTN					
15	Nguyễn Việt	Hoàng	18020572	260255	Chuẩn	04/11/2000	ĐHCN					
16	Phan Văn	Hoàng	17000713	260256	Chuẩn	01/03/1999	ĐHKHTN					
17	Trương Việt	Hoàng	17020776	260257	Chuẩn	29/07/1999	ĐHCN					
18	Trương Việt	Hoàng	18020549	260258	Chuẩn	20/07/2000	ĐHCN					
19	Hoàng Việt	Hồng	16003519	260259	Chuẩn	26/06/1998	ĐHKHTN					
20	Trần Việt	Hồng	17020308	260260	Chuẩn	25/01/1999	ĐHCN					
21												
22												

Danh sách gồm: ..... sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Số có mặt...

Số vắng mặt...

Giám thị 1: .....

Trong đó:

Đọc...

Nghe...

Viết...

Nói...

Giám thị 2: .....

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2022

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

Bài thi định dạng Vstep 3

Ngày thi: 26/03/2022

Phòng số : 14

P. 508 A2

STT	HỌ TÊN	MSSV	SBD	CTĐT	NGÀY SINH	TRƯỜNG	KỶ NỘP				Ghi chú
							Đọc	Nghe	Viết	Nói	
1	Vì Thị Hồng	18050188	260261	Chuẩn	26/10/1999	ĐHKT					
2	Nguyễn Bằng	16001040	260262	Chuẩn	17/11/1998	ĐHKHTN					
3	Trần Đức	18020579	260263	Chuẩn	25/10/2000	ĐHCN					
4	Đặng Văn	18020581	260264	Chuẩn	26/04/2000	ĐHCN					
5	Hứa Hoàng	18000739	260265	Chuẩn	24/08/2000	ĐHKHTN					
6	Đậu Thị	16031541	260266	Chuẩn	29/09/1998	KHXHNV					
7	Hoàng Thị Bích	17060171	260267	Chuẩn	05/04/1998	K. Luật					
8	Nguyễn Thị	18001245	260268	Chuẩn	28/02/2000	ĐHKHTN					
9	Phan Thị Thu	18050063	260269	Chuẩn	06/09/2000	ĐHKT					
10	Bùi Quốc	16100021	260270	Chuẩn	14/02/1996	K. Y-D					
11	Đoàn Mạnh	17020311	260271	Chuẩn	09/12/1999	ĐHCN					
12	Nguyễn Mạnh	18020594	260272	Chuẩn	01/01/2000	ĐHCN					
13	Tô Văn	17020315	260273	Chuẩn	08/08/1999	ĐHCN					
14	Trần Minh	18063166	260274	Chuẩn	31/08/2000	K. Luật					
15	Trương Tuấn	18020586	260275	Chuẩn	01/07/2000	ĐHCN					
16	Đoàn Văn	18020645	260276	Chuẩn	09/07/2000	ĐHCN					
17	Hà Quang	16022375	260277	Chuẩn	03/07/1997	ĐHCN					
18	Hoàng Văn	17001210	260278	Chuẩn	21/11/1999	ĐHKHTN					
19	Lê Đức	18020641	260279	Chuẩn	22/05/2000	ĐHCN					
20	Lê Quang	16020388	260280	Chuẩn	31/12/1998	ĐHCN					
21											
22											

Danh sách gồm: ..... sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Số có mặt...

Số vắng mặt...

Giám thị 1: .....

Trong đó:

Đọc...

Nghe...

Viết...

Nói...

Giám thị 2: .....

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2022

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

Bài thi định dạng Vstep 3

Ngày thi: 26/03/2022

Phòng số : 15

P. 601 A2

STT	HỌ TÊN	MSSV	SBD	CTĐT	NGÀY SINH	TRƯỜNG	KỶ NỘP				Ghi chú
							Đọc	Nghe	Viết	Nói	
1	Lê Xuân Huy	18020636	260281	Chuẩn	19/03/2000	ĐHCN					
2	Nguyễn Văn Huy	17001346	260282	Chuẩn	05/01/1999	ĐHKHTN					
3	Phùng Quang Huy	16020016	260283	Chuẩn	15/01/1998	ĐHCN					
4	Trần Nguyễn Quang Huy	18020661	260284	Chuẩn	05/12/2000	ĐHCN					
5	Trần Văn Huy	17020802	260285	Chuẩn	12/07/1999	ĐHCN					
6	Vũ Quang Huy	18001246	260286	Chuẩn	26/11/2000	ĐHKHTN					
7	Vũ Văn Huy	17020329	260287	Chuẩn	17/06/1999	ĐHCN					
8	Bùi Thị Huyền	18020664	260288	Chuẩn	04/06/2000	ĐHCN					
9	Đinh Thị Thu Huyền	18050073	260289	Chuẩn	30/05/2000	ĐHKT					
10	Đỗ Thị Thanh Huyền	18000908	260290	Chuẩn	24/05/2000	ĐHKHTN					
11	Lê Minh Huyền	18050075	260291	Chuẩn	23/11/2000	ĐHKT					
12	Nguyễn Thị Huyền	16050073	260292	Chuẩn	26/05/1998	ĐHKT					
13	Nguyễn Thị Huyền	18050259	260293	Chuẩn	15/01/2000	ĐHKT					
14	Nguyễn Thị Khánh Huyền	18050076	260294	Chuẩn	02/09/2000	ĐHKT					
15	Nguyễn Thị Thanh Huyền	18050260	260295	Chuẩn	30/06/2000	ĐHKT					
16	Nguyễn Thị Thanh Huyền	17060307	260296	Chuẩn	28/11/1999	K. Luật					
17	Nguyễn Thị Thu Huyền	18063137	260297	Chuẩn	30/07/2000	K. Luật					
18	Trần Thanh Huyền	18040252	260298	Chuẩn	22/12/2000	ĐHNN					
19	Trần Thị Huyền	18010173	260299	Chuẩn	09/11/2000	ĐHGD					
20	Trần Thị Huyền	17001343	260300	Chuẩn	08/08/1999	ĐHKHTN					
21											
22											

Danh sách gồm: ..... sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Số có mặt...

Số vắng mặt...

Giám thị 1: .....

Trong đó:

Đọc...

Nghe...

Viết...

Nói...

Giám thị 2: .....

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2022

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

Bài thi định dạng Vstep 3

Ngày thi: 26/03/2022

Phòng số : 16

P. 602 A2

STT	HỌ TÊN	MSSV	SBD	CTĐT	NGÀY SINH	TRƯỜNG	KỶ NỘP				Ghi chú
							Đọc	Nghe	Viết	Nói	
1	Trần Văn Huynh	18020668	260301	Chuẩn	19/08/2000	ĐHCN					
2	Bùi Thị Hương	18050247	260302	Chuẩn	18/01/2000	ĐHKT					
3	Bùi Thị Thu Hương	18020622	260303	Chuẩn	28/06/2000	ĐHCN					
4	Hoàng Thị Hương	17040948	260304	Chuẩn	14/02/1999	ĐHNN					
5	Nguyễn Thị Hương	17041388	260305	Chuẩn	30/11/1999	ĐHNN					
6	Nguyễn Thị Mai Hương	18010168	260306	Chuẩn	30/07/2000	ĐHGD					
7	Nguyễn Thị Mai Hương	17000469	260307	Chuẩn	19/01/1997	ĐHKHTN					
8	Nguyễn Thị Thu Hương	18050067	260308	Chuẩn	12/08/2000	ĐHKT					
9	Nguyễn Thị Thu Hương	18001249	260309	Chuẩn	21/04/2000	ĐHKHTN					
10	Phạm Thị Hương	17050329	260310	Chuẩn	01/11/1999	ĐHKT					
11	Phan Thị Hương	17050330	260311	Chuẩn	06/11/1999	ĐHKT					
12	Trần Thị Hương	17001790	260312	Chuẩn	23/03/1999	ĐHKHTN					
13	Trịnh Thị Phong Hương	18001250	260313	Chuẩn	08/05/2000	ĐHKHTN					
14	Trương Thị Hương	17041387	260314	Chuẩn	15/09/1999	ĐHNN					
15	Võ Thị Hương	18010170	260315	Chuẩn	13/12/2000	ĐHGD					
16	Nguyễn Thế Hương	18020624	260316	Chuẩn	09/08/1998	ĐHCN					
17	Lê Văn Hương	17020825	260317	Chuẩn	03/05/1999	ĐHCN					
18	Nguyễn Chính Hữu	18020626	260318	Chuẩn	25/11/2000	ĐHCN					
19	Nguyễn Hữu Kiên	17100116	260319	Chuẩn	22/05/1998	K. Y-D					
20	Vũ Sỹ Kiên	16022090	260320	Chuẩn	19/05/1998	ĐHCN					
21											
22											

Danh sách gồm: ..... sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Số có mặt...

Số vắng mặt...

Giám thị 1: .....

Trong đó:

Đọc...

Nghe...

Viết...

Nói...

Giám thị 2: .....

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2022

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

Bài thi định dạng Vstep 3

Ngày thi: 26/03/2022

Phòng số : 17

P. 603 A2

STT	HỌ TÊN	MSSV	SBD	CTĐT	NGÀY SINH	TRƯỜNG	KỶ NỘP				Ghi chú
							Đọc	Nghe	Viết	Nói	
1	Lê Tuấn Kiệt	18020739	260321	Chuẩn	02/04/2000	ĐHCN					
2	Đỗ Nguyễn Thuỵ Kha	17000300	260322	Chuẩn	08/12/1999	ĐHKHTN					
3	Trần Trọng Nguyễn Khang	18020675	260323	Chuẩn	28/02/2000	ĐHCN					
4	Ngô Thị Ngọc Khánh	17100114	260324	Chuẩn	04/11/1999	K. Y-D					
5	Nguyễn Quốc Khánh	17000585	260325	Chuẩn	11/10/1999	ĐHKHTN					
6	Trần Thị Khánh	18020700	260326	Chuẩn	04/12/2000	ĐHCN					
7	Đỗ Lương Khoa	17020838	260327	Chuẩn	06/06/1999	ĐHCN					
8	Nguyễn Hồng Khoa	18020716	260328	Chuẩn	01/12/2000	ĐHCN					
9	Nguyễn Văn Khoa	17000810	260329	Chuẩn	28/07/1999	ĐHKHTN					
10	Trần Văn Khoa	18020717	260330	Chuẩn	23/09/2000	ĐHCN					
11	Nguyễn Phúc Khởi	18020725	260331	Chuẩn	04/05/2000	ĐHCN					
12	Nguyễn Trần Hoài Lam	18010180	260332	Chuẩn	05/01/2000	ĐHGD					
13	Hoàng Thị Lan	17100117	260333	Chuẩn	29/01/1999	K. Y-D					
14	Mai Thanh Lan	18063065	260334	Chuẩn	02/10/2000	K. Luật					
15	Nguyễn Thị Lan	16051451	260335	Chuẩn	10/09/1998	ĐHKT					
16	Nguyễn Thị Lan	17031443	260336	Chuẩn	10/01/1999	KHXHNV					
17	Nguyễn Thị Hương Lan	17060054	260337	Chuẩn	12/11/1999	K. Luật					
18	Phan Thị Phương Lan	17061071	260338	Chuẩn	11/10/1999	K. Luật					
19	Đoàn Thanh Lâm	18000504	260339	Chuẩn	01/12/2000	ĐHKHTN					
20	Nguyễn Hoài Lâm	18020748	260340	Chuẩn	29/08/2000	ĐHCN					
21											
22											

Danh sách gồm: ..... sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Số có mặt...

Số vắng mặt...

Giám thị 1: .....

Trong đó:

Đọc...

Nghe...

Viết...

Nói...

Giám thị 2: .....

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2022

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

Bài thi định dạng Vstep 3

Ngày thi: 26/03/2022

Phòng số : 18

P. 604 A2

STT	HỌ TÊN	MSSV	SBD	CTĐT	NGÀY SINH	TRƯỜNG	KÝ NỘP				Ghi chú
							Đọc	Nghe	Viết	Nói	
1	Trương Đỗ Phương Lâm	16030660	260341	Chuẩn	22/12/1998	KHXHNV					
2	Hoàng Thị Nhật Lệ	18050084	260342	Chuẩn	27/02/2000	ĐHKT					
3	Đặng Quang Liêm	17020849	260343	Chuẩn	02/09/1999	ĐHCN					
4	Nông Thị Liễu	18061053	260344	Chuẩn	07/01/2000	K. Luật					
5	Đào Thị Linh	16041820	260345	Chuẩn	16/07/1998	ĐHNN					
6	Đổng Thị Khánh Linh	18050267	260346	Chuẩn	20/02/2000	ĐHKT					
7	Hoàng Thuý Linh	18050189	260347	Chuẩn	28/02/1999	ĐHKT					
8	Lê Hoàng Linh	18040245	260348	Chuẩn	07/03/2000	ĐHNN					
9	Lưu Tuấn Linh	17000118	260349	Chuẩn	23/08/1999	ĐHKHTN					
10	Ngô Phương Linh	18010184	260350	Chuẩn	22/04/2000	ĐHGD					
11	Nguyễn Diệu Linh	18050270	260351	Chuẩn	21/01/2000	ĐHKT					
12	Nguyễn Sỹ Linh	17020857	260352	Chuẩn	10/09/1999	ĐHCN					
13	Nguyễn Thị Linh	17100122	260353	Chuẩn	02/05/1999	K. Y-D					
14	Nguyễn Thị Hương Linh	18010347	260354	Chuẩn	13/07/2000	ĐHGD					
15	Nguyễn Thị Mỹ Linh	18000204	260355	Chuẩn	05/01/2000	ĐHKHTN					
16	Nguyễn Thị Ngọc Linh	18020767	260356	Chuẩn	11/12/2000	ĐHCN					
17	Nguyễn Thùy Linh	17010132	260357	Chuẩn	16/08/1999	ĐHGD					
18	Nguyễn Vũ Huyền Linh	17000941	260358	Chuẩn	14/05/1999	ĐHKHTN					
19	Phạm Nhật Linh	16002779	260359	Chuẩn	20/06/1998	ĐHKHTN					
20	Quách Phương Linh	18050273	260360	Chuẩn	16/06/2000	ĐHKT					
21											
22											

Danh sách gồm: ..... sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Số có mặt...

Số vắng mặt...

Giám thị 1: .....

Trong đó:

Đọc...

Nghe...

Viết...

Nói...

Giám thị 2: .....

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2022

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

STT	HỌ TÊN	MSSV	SBD	CTĐT	NGÀY SINH	TRƯỜNG	KÝ NỢP				Ghi chú
							Đọc	Nghe	Viết	Nói	
1	Tạ Duy Linh	16003222	260361	Chuẩn	03/09/1997	ĐHKHTN					
2	Thái Thị Linh	18001398	260362	Chuẩn	23/01/2000	ĐHKHTN					
3	Trần Mai Linh	17040866	260363	Chuẩn	20/02/1999	ĐHNN					
4	Trần Phạm Khánh Linh	18040806	260364	Chuẩn	06/02/2000	ĐHNN					
5	Trần Thị Chi Linh	18001255	260365	Chuẩn	03/10/2000	ĐHKHTN					
6	Trần Thị Nhật Linh	18050274	260366	Chuẩn	07/01/2000	ĐHKT					
7	Trần Thị Thúy Linh	18050092	260367	Chuẩn	20/03/2000	ĐHKT					
8	Trịnh Ngọc Linh	18061163	260368	Chuẩn	29/03/2000	K. Luật					
9	Trương Thị Ngọc Linh	18000506	260369	Chuẩn	01/12/2000	ĐHKHTN					
10	Nguyễn Xuân Linh	16020597	260370	Chuẩn	17/08/1998	ĐHCN					
11	Lê Thị Loan	18063054	260371	Chuẩn	12/09/2000	K. Luật					
12	Phạm Thúy Loan	17001257	260372	Chuẩn	06/03/1999	ĐHKHTN					
13	Chu Kỳ Long	18001400	260373	Chuẩn	09/09/2000	ĐHKHTN					
14	Đông Ngọc Long	17021176	260374	Chuẩn	20/02/1999	ĐHCN					
15	Hà Vũ Long	18001154	260375	Chuẩn	19/01/2000	ĐHKHTN					
16	Hoàng Thanh Long	18020845	260376	Chuẩn	13/03/2000	ĐHCN					
17	Lê Hồng Long	18020033	260377	Chuẩn	30/07/2000	ĐHCN					
18	Lê Văn Long	18020821	260378	Chuẩn	03/09/2000	ĐHCN					
19	Nguyễn Hoàng Long	18020841	260379	Chuẩn	15/11/2000	ĐHCN					
20	Nguyễn Cao Bảo Long	18020823	260380	Chuẩn	25/02/2000	ĐHCN					
21											
22											

Danh sách gồm: ..... sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Số có mặt...

Số vắng mặt...

Giám thị 1: .....

Trong đó:

Đọc...

Nghe...

Viết...

Nói...

Giám thị 2: .....

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2022

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

STT	HỌ TÊN	MSSV	SBD	CTĐT	NGÀY SINH	TRƯỜNG	KÝ NỘP				Ghi chú
							Đọc	Nghe	Viết	Nói	
1	Nguyễn Đức Long	18000211	260381	Chuẩn	13/09/2000	ĐHKHTN					
2	Nguyễn Đức Long	18000985	260382	Chuẩn	05/05/2000	ĐHKHTN					
3	Nguyễn Hoàng Long	18000986	260383	Chuẩn	09/02/2000	ĐHKHTN					
4	Nguyễn Lê Long	18020817	260384	Chuẩn	28/06/2000	ĐHCN					
5	Nguyễn Ngọc Long	18020822	260385	Chuẩn	18/09/2000	ĐHCN					
6	Nguyễn Văn Long	18020811	260386	Chuẩn	01/09/2000	ĐHCN					
7	Phạm Gia Long	18061221	260387	Chuẩn	07/05/2000	K. Luật					
8	Phạm Hải Long	18000719	260388	Chuẩn	10/10/2000	ĐHKHTN					
9	Trần Vũ Long	18061347	260389	Chuẩn	05/09/2000	K. Luật					
10	Trương Hoàng Long	18020853	260390	Chuẩn	30/05/2000	ĐHCN					
11	Vương Bảo Long	17021197	260391	Chuẩn	04/08/1999	ĐHCN					
12	Nguyễn Xuân Lộc	18020784	260392	Chuẩn	11/02/2000	ĐHCN					
13	Nguyễn Hương Lợi	17100126	260393	Chuẩn	03/12/1999	K. Y-D					
14	Vũ Đăng Lợi	18000921	260394	Chuẩn	08/08/1998	ĐHKHTN					
15	Vũ Trung Luyện	16003295	260395	Chuẩn	15/06/1996	ĐHKHTN					
16	Cao Khánh Ly	18001260	260396	Chuẩn	03/06/2000	ĐHKHTN					
17	Hoàng Thị Lưu Ly	18000812	260397	Chuẩn	28/10/2000	ĐHKHTN					
18	Lê Khánh Ly	18010194	260398	Chuẩn	26/03/2000	ĐHGD					
19	Lương Thị Khánh Ly	18050280	260399	Chuẩn	30/01/2000	ĐHKT					
20	Nguyễn Cẩm Ly	17000303	260400	Chuẩn	28/12/1999	ĐHKHTN					
21											
22											

Danh sách gồm: ..... sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Số có mặt...

Số vắng mặt...

Giám thị 1: .....

Trong đó:

Đọc...

Nghe...

Viết...

Nói...

Giám thị 2: .....

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2022

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

STT	HỌ TÊN	MSSV	SBD	CTĐT	NGÀY SINH	TRƯỜNG	KÝ NỘP				Ghi chú
							Đọc	Nghe	Viết	Nói	
1	Nguyễn Hương Ly	16031899	260401	Chuẩn	29/01/1998	KHXHNV					
2	Nguyễn Thị Hương Ly	18061043	260402	Chuẩn	05/01/2000	K. Luật					
3	Trần Thị Ly	18050098	260403	Chuẩn	01/03/2000	ĐHKT					
4	Trần Yến Ly	18050283	260404	Chuẩn	30/08/2000	ĐHKT					
5	Hoàng Thị Lý	17050346	260405	Chuẩn	26/09/1999	ĐHKT					
6	Nguyễn Thị Lý	17032051	260406	Chuẩn	11/08/1999	KHXHNV					
7	Lê Ngọc Mai	18050284	260407	Chuẩn	15/11/2000	ĐHKT					
8	Nguyễn Thị Mai	16051767	260408	Chuẩn	26/08/1998	ĐHKT					
9	Nguyễn Thị Mai	18050104	260409	Chuẩn	04/08/2000	ĐHKT					
10	Nguyễn Thị Mai	16042416	260410	Chuẩn	06/07/1998	ĐHNN					
11	Nguyễn Huy Mạnh	18020883	260411	Chuẩn	11/03/2000	ĐHCN					
12	Nguyễn Văn Mạnh	16020607	260412	Chuẩn	24/01/1998	ĐHCN					
13	Nguyễn Văn Mạnh	18050106	260413	Chuẩn	11/01/2000	ĐHKT					
14	Trần Đức Mạnh	18020879	260414	Chuẩn	14/04/2000	ĐHCN					
15	Vũ Hoài Mạnh	16022017	260415	Chuẩn	26/02/1997	ĐHCN					
16	Nông Hoài Mến	18001262	260416	Chuẩn	06/09/2000	ĐHKHTN					
17	Nguyễn Đức Minh	18020901	260417	Chuẩn	26/05/2000	ĐHCN					
18	Nguyễn Khắc Minh	18061235	260418	Chuẩn	02/02/1999	K. Luật					
19	Nguyễn Ngọc Minh	18020914	260419	Chuẩn	16/08/2000	ĐHCN					
20	Nguyễn Quang Minh	18020915	260420	Chuẩn	09/09/2000	ĐHCN					
21											
22											

Danh sách gồm: ..... sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Số có mặt...

Số vắng mặt...

Giám thị 1: .....

Trong đó:

Đọc...

Nghe...

Viết...

Nói...

Giám thị 2: .....

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2022

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

STT	HỌ TÊN	MSSV	SBD	CTĐT	NGÀY SINH	TRƯỜNG	KÝ NỘP				Ghi chú
							Đọc	Nghe	Viết	Nói	
1	Nguyễn Quang Minh	17041040	260421	Chuẩn	11/05/1999	ĐHNN					
2	Nguyễn Thanh Minh	18010197	260422	Chuẩn	07/04/2000	ĐHGD					
3	Nguyễn Thị Minh	17031460	260423	Chuẩn	25/02/1999	KHXHNV					
4	Nguyễn Vũ Anh Minh	18000817	260424	Chuẩn	31/03/2000	ĐHKHTN					
5	Trần Quang Minh	18063171	260425	Chuẩn	25/11/2000	K. Luật					
6	Trần Thị Thúy Mùi	17000420	260426	Chuẩn	30/10/1999	ĐHKHTN					
7	Bùi Bá	17020904	260427	Chuẩn	15/09/1999	ĐHCN					
8	Đỗ	18020941	260428	Chuẩn	28/01/2000	ĐHCN					
9	Nguyễn Doãn	18050110	260429	Chuẩn	22/09/2000	ĐHKT					
10	Nguyễn Đắc	18020935	260430	Chuẩn	14/03/2000	ĐHCN					
11	Nguyễn Hoài	18020929	260431	Chuẩn	08/09/2000	ĐHCN					
12	Nguyễn Văn	18020920	260432	Chuẩn	19/08/2000	ĐHCN					
13	Nguyễn Văn	17001753	260433	Chuẩn	30/10/1999	ĐHKHTN					
14	Phạm Phương	15021206	260434	Chuẩn	17/10/1997	ĐHCN					
15	Phan Phương	17020918	260435	Chuẩn	16/08/1999	ĐHCN					
16	Tông Văn	18061071	260436	Chuẩn	10/03/2000	K. Luật					
17	Trần Nguyễn Phương	18020927	260437	Chuẩn	21/09/2000	ĐHCN					
18	Vũ Nhật	17041029	260438	Chuẩn	19/01/1999	ĐHNN					
19	Nguyễn Thị Khánh	18063124	260439	Chuẩn	12/08/2000	K. Luật					
20	Nguyễn Thị Phương	18040769	260440	Chuẩn	12/11/1999	ĐHNN					
21											
22											

Danh sách gồm: ..... sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Số có mặt...

Số vắng mặt...

Giám thị 1: .....

Trong đó:

Đọc...

Nghe...

Viết...

Nói...

Giám thị 2: .....

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2022

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

STT	HỌ TÊN	MSSV	SBD	CTĐT	NGÀY SINH	TRƯỜNG	KÝ NỘP				Ghi chú
							Đọc	Nghe	Viết	Nói	
1	Đỗ Thị Thuý Nga	17001703	260441	Chuẩn	27/05/1999	ĐHKHTN					
2	Hoàng Thị Thuý Nga	17000473	260442	Chuẩn	17/08/1999	ĐHKHTN					
3	Nguyễn Thị Nga	18063105	260443	Chuẩn	23/10/2000	K. Luật					
4	Nguyễn Thị Thuý Nga	18001167	260444	Chuẩn	08/08/2000	ĐHKHTN					
5	Trần Thị Nga	18000656	260445	Chuẩn	11/08/2022	ĐHKHTN					
6	Trịnh Thị Nga	18020943	260446	Chuẩn	16/04/2000	ĐHCN					
7	Đào Thị Ngân	18050293	260447	Chuẩn	19/08/2000	ĐHKT					
8	Đặng Kim Ngân	17001252	260448	Chuẩn	23/01/1999	ĐHKHTN					
9	Đỗ Bích Ngân	17041299	260449	Chuẩn	29/09/1999	ĐHNN					
10	Đỗ Thị Ngân	17000840	260450	Chuẩn	03/03/1998	ĐHKHTN					
11	Đường Thị Thủy Ngân	18020944	260451	Chuẩn	02/12/2000	ĐHCN					
12	Hoàng Thị Ngân	18040325	260452	Chuẩn	05/07/2000	ĐHNN					
13	Nguyễn Hoàng Ngân	18031605	260453	Chuẩn	16/11/2000	KHXHNV					
14	Nguyễn Thị Kim Ngân	16100106	260454	Chuẩn	01/04/1998	K. Y-D					
15	Phan Thúy Ngân	18050111	260455	Chuẩn	05/11/2000	ĐHKT					
16	Văn Thị Kim Ngân	18040788	260456	Chuẩn	19/10/2000	ĐHNN					
17	Đào Đình Nghĩa	18020946	260457	Chuẩn	21/10/2000	ĐHCN					
18	Trịnh Trọng Nghĩa	17001885	260458	Chuẩn	13/09/1998	ĐHKHTN					
19	Vương Trọng Nghĩa	17000702	260459	Chuẩn	26/11/1999	ĐHKHTN					
20	Trần Thị Thanh Ngoan	18050113	260460	Chuẩn	03/11/2000	ĐHKT					
21											
22											

Danh sách gồm: ..... sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Số có mặt...

Số vắng mặt...

Giám thị 1: .....

Trong đó:

Đọc...

Nghe...

Viết...

Nói...

Giám thị 2: .....

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2022

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

Bài thi định dạng Vstep 3

Ngày thi: 26/03/2022

Phòng số : 24

P. 701 A2

STT	HỌ TÊN	MSSV	SBD	CTĐT	NGÀY SINH	TRƯỜNG	KÝ NỘP				Ghi chú
							Đọc	Nghe	Viết	Nói	
1	Dương Thị Bảo Ngọc	17041383	260461	Chuẩn	07/02/1999	ĐHNN					
2	Lê Hoàng Bảo Ngọc	18000059	260462	Chuẩn	31/08/2000	ĐHKHTN					
3	Lê Thị Thảo Ngọc	18050114	260463	Chuẩn	20/09/2000	ĐHKT					
4	Lưu Lê Ngọc	18001266	260464	Chuẩn	27/10/2000	ĐHKHTN					
5	Nguyễn Diễm Ngọc	17040327	260465	Chuẩn	15/07/1999	ĐHNN					
6	Nguyễn Minh Ngọc	18050115	260466	Chuẩn	09/01/2000	ĐHKT					
7	Nguyễn Thị Ngọc	18050116	260467	Chuẩn	06/12/2000	ĐHKT					
8	Nguyễn Thị Ngọc	17100129	260468	Chuẩn	06/01/1999	K. Y-D					
9	Phạm Anh Ngọc	18010208	260469	Chuẩn	10/12/1994	ĐHGD					
10	Phạm Thị Ngọc	17050156	260470	Chuẩn	20/05/1999	ĐHKT					
11	Phạm Thị Bích Ngọc	18020956	260471	Chuẩn	22/10/2000	ĐHCN					
12	Tô Minh Ngọc	17100131	260472	Chuẩn	28/05/1999	K. Y-D					
13	Hoàng Thảo Nguyên	18063144	260473	Chuẩn	19/03/2000	K. Luật					
14	Lò Văn Nguyên	18000515	260474	Chuẩn	20/01/2000	ĐHKHTN					
15	Nguyễn Thị Hạnh Nguyên	18000516	260475	Chuẩn	04/04/2000	ĐHKHTN					
16	Phạm Xuân Nguyên	17020938	260476	Chuẩn	18/05/1999	ĐHCN					
17	Nguyễn Văn Nguyễn	18050119	260477	Chuẩn	16/06/2000	ĐHKT					
18	Triệu Đình Nguyên	18020970	260478	Chuẩn	31/10/2000	ĐHCN					
19	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	18041597	260479	Chuẩn	20/07/2000	ĐHNN					
20	Phạm Thị Ánh Nguyệt	18041043	260480	Chuẩn	12/01/2000	ĐHNN					
21											
22											

Danh sách gồm: ..... sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Số có mặt...

Số vắng mặt...

Giám thị 1: .....

Trong đó:

Đọc...

Nghe...

Viết...

Nói...

Giám thị 2: .....

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2022

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

Bài thi định dạng Vstep 3

Ngày thi: 26/03/2022

Phòng số : 25

P. 702 A2

STT	HỌ TÊN	MSSV	SBD	CTĐT	NGÀY SINH	TRƯỜNG	KÝ NỘP				Ghi chú
							Đọc	Nghe	Viết	Nói	
1	Trịnh Thu Nguyệt	16041741	260481	Chuẩn	21/10/1998	ĐHNN					
2	Nguyễn Thị Hồng Nhân	16000919	260482	Chuẩn	22/02/1998	ĐHKHTN					
3	Nguyễn Yến Nhi	18050299	260483	Chuẩn	09/03/2000	ĐHKT					
4	Đỗ Thị Nhung	18000744	260484	Chuẩn	12/06/2000	ĐHKHTN					
5	Hà Thị Hồng Nhung	16021746	260485	Chuẩn	17/10/1998	ĐHCN					
6	Lê Thị Hồng Nhung	18001270	260486	Chuẩn	10/05/2000	ĐHKHTN					
7	Nguyễn Minh Quỳnh Nhung	18000825	260487	Chuẩn	28/12/2000	ĐHKHTN					
8	Nguyễn Phương Nhung	18010545	260488	Chuẩn	19/02/2000	ĐHGD					
9	Nguyễn Phương Nhung	18061228	260489	Chuẩn	11/03/2000	K. Luật					
10	Nguyễn Thị Nhung	16052300	260490	Chuẩn	07/10/1998	ĐHKT					
11	Nguyễn Thị Hồng Nhung	18000231	260491	Chuẩn	20/12/2000	ĐHKHTN					
12	Nguyễn Thị Hồng Nhung	18040719	260492	Chuẩn	11/10/1999	ĐHNN					
13	Trịnh Thị Nhung	18001271	260493	Chuẩn	27/09/2000	ĐHKHTN					
14	Vũ Thị Nhung	18040845	260494	Chuẩn	06/07/2000	ĐHNN					
15	Nguyễn Thị Kiều Oanh	17010411	260495	Chuẩn	27/04/1999	ĐHGD					
16	Nguyễn Thị Kim Oanh	18020989	260496	Chuẩn	02/09/2000	ĐHCN					
17	Nguyễn Thị Tú Oanh	18010370	260497	Chuẩn	06/06/2000	ĐHGD					
18	Phạm Phương Oanh	18000431	260498	Chuẩn	08/02/2000	ĐHKHTN					
19	Phạm Thị Kiều Oanh	17000474	260499	Chuẩn	20/01/1999	ĐHKHTN					
20	Trần Thị Oanh	16003350	260500	Chuẩn	28/07/1996	ĐHKHTN					
21											
22											

Danh sách gồm: ..... sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Số có mặt...

Số vắng mặt...

Giám thị 1: .....

Trong đó:

Đọc...

Nghe...

Viết...

Nói...

Giám thị 2: .....

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2022

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

STT	HỌ TÊN	MSSV	SBD	CTĐT	NGÀY SINH	TRƯỜNG	KÝ NỘP				Ghi chú
							Đọc	Nghe	Viết	Nói	
1	Trịnh Thị Oanh	17100135	260501	Chuẩn	18/03/1999	K. Y-D					
2	Trịnh Thị Ngọc	18010216	260502	Chuẩn	24/02/2000	ĐHGD					
3	Trương Thuý	17010225	260503	Chuẩn	13/02/1998	ĐHGD					
4	Lê Tiến	18020993	260504	Chuẩn	19/08/2000	ĐHCN					
5	Đình Hồng	17021430	260505	Chuẩn	15/06/1999	ĐHCN					
6	Hoàng Anh	18040236	260506	Chuẩn	12/03/2000	ĐHNN					
7	Nguyễn Gia	16021832	260507	Chuẩn	01/01/1998	ĐHCN					
8	Nguyễn Văn	18020999	260508	Chuẩn	01/09/2000	ĐHCN					
9	Trần Tiến	17020955	260509	Chuẩn	29/04/1999	ĐHCN					
10	Bùi Minh	16000330	260510	Chuẩn	09/01/1998	ĐHKHTN					
11	Nguyễn Đức	18040999	260511	Chuẩn	01/09/2000	ĐHNN					
12	Vũ Minh	18021015	260512	Chuẩn	20/12/2000	ĐHCN					
13	Đông Thị	15003279	260513	Chuẩn	09/03/1996	ĐHKHTN					
14	Lê Thị Thu	18041031	260514	Chuẩn	04/11/2000	ĐHNN					
15	Lưu Thị	17100137	260515	Chuẩn	29/11/1999	K. Y-D					
16	Ma Thu	17000217	260516	Chuẩn	26/06/1999	ĐHKHTN					
17	Mai Hà	18041098	260517	Chuẩn	09/09/2000	ĐHNN					
18	Nguyễn Đoàn Mai	17001776	260518	Chuẩn	22/08/1999	ĐHKHTN					
19	Nguyễn Thị	18050128	260519	Chuẩn	03/05/2000	ĐHKT					
20	Nguyễn Thị Hà	18000663	260520	Chuẩn	03/12/2000	ĐHKHTN					
21											
22											

Danh sách gồm: ..... sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Số có mặt...

Số vắng mặt...

Giám thị 1: .....

Trong đó:

Đọc...

Nghe...

Viết...

Nói...

Giám thị 2: .....

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2022

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

Bài thi định dạng Vstep 3

Ngày thi: 26/03/2022

Phòng số : 27

P. 704 A2

STT	HỌ TÊN	MSSV	SBD	CTĐT	NGÀY SINH	TRƯỜNG	KÝ NỘP				Ghi chú
							Đọc	Nghe	Viết	Nói	
1	Nguyễn Thị Minh Phương	18010549	260521	Chuẩn	24/04/2000	ĐHGD					
2	Nguyễn Thị Thu Phương	18021025	260522	Chuẩn	15/03/2000	ĐHCN					
3	Nguyễn Thùy Phương	17041375	260523	Chuẩn	05/06/1999	ĐHNN					
4	Nguyễn Văn Phương	17020970	260524	Chuẩn	11/08/1999	ĐHCN					
5	Trịnh Hà Phương	18061051	260525	Chuẩn	06/10/2000	K. Luật					
6	Vũ Thị Phương	18050130	260526	Chuẩn	14/02/2000	ĐHKT					
7	Vũ Thị Thu Phương	16030490	260527	Chuẩn	24/10/1998	KHXHNV					
8	Bùi Bích Phương	17000389	260528	Chuẩn	26/05/1999	ĐHKHTN					
9	Nguyễn Thị Phương	16022383	260529	Chuẩn	02/11/1997	ĐHCN					
10	Trần Thị Phương	18010550	260530	Chuẩn	01/03/1996	ĐHGD					
11	Vũ Thị Bích Phương	17010228	260531	Chuẩn	30/06/1999	ĐHGD					
12	Bùi Văn Quang	18050135	260532	Chuẩn	24/09/2000	ĐHKT					
13	Lê Minh Quang	17060351	260533	Chuẩn	16/08/1998	K. Luật					
14	Nguyễn Minh Quang	18021042	260534	Chuẩn	18/04/2000	ĐHCN					
15	Nguyễn Nhật Quang	18000997	260535	Chuẩn	25/10/2000	ĐHKHTN					
16	Phạm Minh Quang	17020981	260536	Chuẩn	17/09/1999	ĐHCN					
17	Trần Đức Quang	18000236	260537	Chuẩn	06/09/2000	ĐHKHTN					
18	Trần Xuân Quang	18030068	260538	Chuẩn	23/02/2000	KHXHNV					
19	Đỗ Văn Quang	18021056	260539	Chuẩn	06/01/2000	ĐHCN					
20	Lê Hồng Quân	18000998	260540	Chuẩn	26/11/2000	ĐHKHTN					
21											
22											

Danh sách gồm: ..... sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Số có mặt...

Số vắng mặt...

Giám thị 1: .....

Trong đó:

Đọc...

Nghe...

Viết...

Nói...

Giám thị 2: .....

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2022

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

Bài thi định dạng Vstep 3

Ngày thi: 26/03/2022

Phòng số : 28

P. 706 A2

STT	HỌ TÊN	MSSV	SBD	CTĐT	NGÀY SINH	TRƯỜNG	KÝ NỢP				Ghi chú
							Đọc	Nghe	Viết	Nói	
1	Lương Anh Quân	18040872	260541	Chuẩn	09/09/2000	ĐHNN					
2	Ngô Hồng Quân	16021102	260542	Chuẩn	01/01/1998	ĐHCN					
3	Nguyễn Thế Quân	18021030	260543	Chuẩn	22/05/2000	ĐHCN					
4	Trần Hồng Quân	18061199	260544	Chuẩn	27/03/2000	K. Luật					
5	Trần Văn Quân	17021203	260545	Chuẩn	13/01/1999	ĐHCN					
6	Vũ Minh Quân	17000814	260546	Chuẩn	23/03/1999	ĐHKHTN					
7	Tạ Hữu Trung Quý	17040795	260547	Chuẩn	04/12/1999	ĐHNN					
8	Trịnh Ngọc Quý	18063017	260548	Chuẩn	01/04/2000	K. Luật					
9	Đỗ Thị Quyên	18050138	260549	Chuẩn	07/02/2000	ĐHKT					
10	Ngô Thị Ngọc Quyên	18021062	260550	Chuẩn	04/02/2000	ĐHCN					
11	Phạm Văn Quyển	16021636	260551	Chuẩn	02/11/1998	ĐHCN					
12	Bùi Tú Quỳnh	17061131	260552	Chuẩn	01/07/1999	K. Luật					
13	Bùi Thị Như Quỳnh	18041027	260553	Chuẩn	24/09/2000	ĐHNN					
14	Lê Diễm Quỳnh	18050141	260554	Chuẩn	09/03/2000	ĐHKT					
15	Lê Thị Như Quỳnh	18042023	260555	Chuẩn	03/10/1999	ĐHNN					
16	Lê Thuý Quỳnh	18061196	260556	Chuẩn	19/09/2000	K. Luật					
17	Nguyễn Ngọc Quỳnh	18010226	260557	Chuẩn	13/12/2000	ĐHGD					
18	Nguyễn Th Diệu Quỳnh	18061302	260558	Chuẩn	30/10/2000	K. Luật					
19	Nguyễn Thị Quỳnh	17050366	260559	Chuẩn	21/01/1999	ĐHKT					
20	Phạm Thị Mai Quỳnh	18050316	260560	Chuẩn	25/02/2000	ĐHKT					
21											
22											

Danh sách gồm: ..... sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Số có mặt...

Số vắng mặt...

Giám thị 1: .....

Trong đó:

Đọc...

Nghe...

Viết...

Nói...

Giám thị 2: .....

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2022

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

STT	HỌ TÊN		MSSV	SBD	CTĐT	NGÀY SINH	TRƯỜNG	KÝ NỢP				Ghi chú
								Đọc	Nghe	Viết	Nói	
1	Vũ Thị Như	Quỳnh	17001356	260561	Chuẩn	20/04/1999	ĐHKHTN					
2	Dương Đức	Sang	17050798	260562	Chuẩn	23/02/1998	ĐHKT					
3	Đoàn Thị	Sáng	18001002	260563	Chuẩn	28/08/2000	ĐHKHTN					
4	Bùi Thị	Son	17050367	260564	Chuẩn	24/03/1999	ĐHKT					
5	Cao Hoàng	Sơn	18050143	260565	Chuẩn	27/02/2000	ĐHKT					
6	Hoàng Khắc	Sơn	18021104	260566	Chuẩn	05/02/2000	ĐHCN					
7	Hoàng Nguyễn Bảo	Sơn	16042559	260567	Chuẩn	09/07/1998	ĐHNN					
8	Ngô Thái	Sơn	18021096	260568	Chuẩn	25/10/2000	ĐHCN					
9	Nguyễn Hữu	Sơn	16100046	260569	Chuẩn	26/07/1997	K. Y-D					
10	Nguyễn Kế	Sơn	16010232	260570	Chuẩn	17/04/1997	ĐHGD					
11	Trần Đức	Sơn	18021099	260571	Chuẩn	25/08/2000	ĐHCN					
12	Nguyễn Đức	Tài	18050318	260572	Chuẩn	01/12/2000	ĐHKT					
13	Phan Văn	Tài	16022445	260573	Chuẩn	02/10/1993	ĐHCN					
14	Thái Duy	Tài	18021112	260574	Chuẩn	16/01/2000	ĐHCN					
15	Nguyễn Chi	Tạo	18001003	260575	Chuẩn	15/08/2000	ĐHKHTN					
16	Nguyễn Duy	Tâm	17021009	260576	Chuẩn	23/01/1999	ĐHCN					
17	Trần Thị Minh	Tâm	18010233	260577	Chuẩn	17/09/2000	ĐHGD					
18	Lê Thị Thủy	Tiên	18021265	260578	Chuẩn	14/01/2000	ĐHCN					
19	Lê Thủy	Tiên	18050163	260579	Chuẩn	12/07/2000	ĐHKT					
20	Lê Đình	Tiến	18001004	260580	Chuẩn	15/10/1999	ĐHKHTN					
21												
22												

Danh sách gồm: ..... sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Số có mặt...

Số vắng mặt...

Giám thị 1: .....

Trong đó:

Đọc...

Nghe...

Viết...

Nói...

Giám thị 2: .....

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2022

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

STT	HỌ TÊN	MSSV	SBD	CTĐT	NGÀY SINH	TRƯỜNG	KỶ NỘP				Ghi chú
							Đọc	Nghe	Viết	Nói	
1	Ngô Tiên Tiến	18050342	260581	Chuẩn	25/04/2000	ĐHKT					
2	Nguyễn Mạnh Tiến	18021269	260582	Chuẩn	24/03/2000	ĐHCN					
3	Nguyễn Văn Tiệp	17000127	260583	Chuẩn	01/08/1999	ĐHKHTN					
4	Nguyễn Thị Tĩnh	18001005	260584	Chuẩn	15/02/2000	ĐHKHTN					
5	Nguyễn Đức Toàn	18063006	260585	Chuẩn	29/12/2000	K. Luật					
6	Vũ Đình Toàn	16003259	260586	Chuẩn	02/08/1996	ĐHKHTN					
7	Trần Đức Toàn	18021290	260587	Chuẩn	27/03/2000	ĐHCN					
8	Nguyễn Đức Tới	18021292	260588	Chuẩn	08/09/2000	ĐHCN					
9	Cao Cẩm Tú	18040883	260589	Chuẩn	21/05/2000	ĐHNN					
10	Hà Văn Tú	16021204	260590	Chuẩn	03/02/1998	ĐHCN					
11	Lê Tuấn Tú	17021095	260591	Chuẩn	18/04/1999	ĐHCN					
12	Phạm Anh Tú	17021097	260592	Chuẩn	24/02/1999	ĐHCN					
13	Phạm Ngọc Tú	18021353	260593	Chuẩn	15/11/2000	ĐHCN					
14	Đàm Anh Tuấn	18021374	260594	Chuẩn	24/02/2000	ĐHCN					
15	Đặng Hoàng Tuấn	18010268	260595	Chuẩn	16/12/1996	ĐHGD					
16	Đặng Thanh Tuấn	16022448	260596	Chuẩn	08/05/1997	ĐHCN					
17	Đình Nguyễn Anh Tuấn	17001329	260597	Chuẩn	01/01/1999	ĐHKHTN					
18	Hoàng Minh Tuấn	18021360	260598	Chuẩn	23/02/2000	ĐHCN					
19	Lê Anh Tuấn	16100056	260599	Chuẩn	12/03/1997	K. Y-D					
20	Nguyễn Anh Tuấn	18021376	260600	Chuẩn	18/04/2000	ĐHCN					
21											
22											

Danh sách gồm: ..... sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Số có mặt...

Số vắng mặt...

Giám thị 1: .....

Trong đó:

Đọc...

Nghe...

Viết...

Nói...

Giám thị 2: .....

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2022

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

STT	HỌ TÊN	MSSV	SBD	CTĐT	NGÀY SINH	TRƯỜNG	KỶ NỘP				Ghi chú
							Đọc	Nghe	Viết	Nói	
1	Phạm Anh Tuấn	17010158	260601	Chuẩn	23/10/1999	ĐHGD					
2	Phạm Quang Tuấn	18001193	260602	Chuẩn	26/12/2000	ĐHKHTN					
3	Phan Anh Tuấn	18061019	260603	Chuẩn	16/02/2000	K. Luật					
4	Phan Văn Tuấn	18021384	260604	Chuẩn	18/01/2000	ĐHCN					
5	Trần Bá Tuấn	18001194	260605	Chuẩn	24/12/2000	ĐHKHTN					
6	Bùi Thanh Tùng	18021403	260606	Chuẩn	11/03/2000	ĐHCN					
7	Đình Hoàng Tùng	18001195	260607	Chuẩn	30/11/2000	ĐHKHTN					
8	Đình Quang Tùng	18021406	260608	Chuẩn	19/06/2000	ĐHCN					
9	Hoàng Công Tùng	18021396	260609	Chuẩn	25/10/2000	ĐHCN					
10	Nguyễn Đình Hải Tùng	18000677	260610	Chuẩn	11/01/2000	ĐHKHTN					
11	Nguyễn Quang Tùng	16020682	260611	Chuẩn	01/09/1998	ĐHCN					
12	Nguyễn Thanh Tùng	18000248	260612	Chuẩn	10/06/1999	ĐHKHTN					
13	Phạm Thanh Tùng	17020042	260613	Chuẩn	09/12/1999	ĐHCN					
14	Trần Sơn Tùng	18000249	260614	Chuẩn	11/03/2000	ĐHKHTN					
15	Trương Thanh Tùng	18001196	260615	Chuẩn	27/01/2000	ĐHKHTN					
16	Lê Văn Tuyên	17100160	260616	Chuẩn	25/10/1998	K. Y-D					
17	Nông Thị Tuyên	17100161	260617	Chuẩn	06/05/1998	K. Y-D					
18	Nguyễn Hoàng Tuyên	16021228	260618	Chuẩn	21/06/1998	ĐHCN					
19	Nguyễn Đức Tuyên	17001552	260619	Chuẩn	01/12/1999	ĐHKHTN					
20	Hoàng Thị Tuyết	18010273	260620	Chuẩn	13/01/2000	ĐHGD					
21											
22											

Danh sách gồm: ..... sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Số có mặt...

Số vắng mặt...

Giám thị 1: .....

Trong đó:

Đọc...

Nghe...

Viết...

Nói...

Giám thị 2: .....

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2022

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

STT	HỌ TÊN	MSSV	SBD	CTĐT	NGÀY SINH	TRƯỜNG	KÝ NỢP				Ghi chú
							Đọc	Nghe	Viết	Nói	
1	Nguyễn Thị Tươi	18050182	260621	Chuẩn	20/09/2000	ĐHKT					
2	Bùi Thanh Thái	17100142	260622	Chuẩn	02/02/1999	K. Y-D					
3	Dương Văn Thanh	17100145	260623	Chuẩn	13/10/1999	K. Y-D					
4	Đỗ Thị Thanh	18050145	260624	Chuẩn	19/11/2000	ĐHKT					
5	Dương Quốc Thành	18021176	260625	Chuẩn	02/10/2000	ĐHCN					
6	Đỗ Tiến Thành	18021178	260626	Chuẩn	03/06/2000	ĐHCN					
7	Đồng Văn Thành	18030913	260627	Chuẩn	14/02/2000	KHXHNV					
8	Ngô Bá Thành	16002809	260628	Chuẩn	12/12/1997	ĐHKHTN					
9	Nguyễn Xuân Thành	18001008	260629	Chuẩn	21/03/2000	ĐHKHTN					
10	Phan Sỹ Thành	17000883	260630	Chuẩn	16/08/1999	ĐHKHTN					
11	Quách Văn Thành	18000527	260631	Chuẩn	24/08/2000	ĐHKHTN					
12	Trần Công Thành	18001199	260632	Chuẩn	28/02/1999	ĐHKHTN					
13	Vương Tiến Thành	18021186	260633	Chuẩn	14/08/2000	ĐHCN					
14	Phan Thị Phương Thảo	18050147	260634	Chuẩn	20/01/2000	ĐHKT					
15	Cổ Thị Thảo	17100147	260635	Chuẩn	31/05/1999	K. Y-D					
16	Chu Hạnh Thảo	18063167	260636	Chuẩn	18/06/2000	K. Luật					
17	Đào Thị Thảo	17061140	260637	Chuẩn	05/12/1999	K. Luật					
18	Hà Phương Thảo	18001433	260638	Chuẩn	21/08/2000	ĐHKHTN					
19	Lê Thị Thảo	18010239	260639	Chuẩn	12/12/2000	ĐHGD					
20	Lê Thị Thảo	18041023	260640	Chuẩn	03/03/2000	ĐHNN					
21											
22											

Danh sách gồm: ..... sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Số có mặt...

Số vắng mặt...

Giám thị 1: .....

Trong đó:

Đọc...

Nghe...

Viết...

Nói...

Giám thị 2: .....

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2022

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

Bài thi định dạng Vstep 3

Ngày thi: 26/03/2022

Phòng số : 33

P. 801 A2

STT	HỌ TÊN	MSSV	SBD	CTĐT	NGÀY SINH	TRƯỜNG	KÝ NỘP				Ghi chú
							Đọc	Nghe	Viết	Nói	
1	Ngô Thị Thảo	18050148	260641	Chuẩn	17/11/2000	ĐHKT					
2	Ngô Văn Thảo	17001501	260642	Chuẩn	23/03/1999	ĐHKHTN					
3	Nguyễn Diệu Thảo	18000528	260643	Chuẩn	04/07/1999	ĐHKHTN					
4	Nguyễn Phương Thảo	18021198	260644	Chuẩn	10/06/2000	ĐHCN					
5	Nguyễn Phương Thảo	18040916	260645	Chuẩn	10/12/2000	ĐHNN					
6	Nguyễn Thị Phương Thảo	17050171	260646	Chuẩn	21/02/1999	ĐHKT					
7	Nguyễn Thị Thanh Thảo	18050327	260647	Chuẩn	01/02/2000	ĐHKT					
8	Quách Thị Thảo	17000043	260648	Chuẩn	03/10/2022	ĐHKHTN					
9	Trần Thị Thảo	16030728	260649	Chuẩn	05/03/1998	KHXHNV					
10	Trần Vũ Phương Thảo	18000534	260650	Chuẩn	10/09/2000	ĐHKHTN					
11	Vũ Thị Thảo	18050150	260651	Chuẩn	29/10/2000	ĐHKT					
12	Đào Thị Thảo	18040888	260652	Chuẩn	10/02/2000	ĐHNN					
13	Lê Thị Hồng Thảo	18021135	260653	Chuẩn	07/09/2000	ĐHCN					
14	Đặng Toàn Thảo	18010234	260654	Chuẩn	27/12/2000	ĐHGD					
15	Lại Đình Thảo	18021149	260655	Chuẩn	12/02/2000	ĐHCN					
16	Nguyễn Minh Thảo	18021151	260656	Chuẩn	04/09/2000	ĐHCN					
17	Nguyễn Trọng Thảo	18021201	260657	Chuẩn	14/10/2000	ĐHCN					
18	Đặng Huy Thảo	18010241	260658	Chuẩn	19/07/2000	ĐHGD					
19	Đình Tiến Thảo	17021046	260659	Chuẩn	19/05/1999	ĐHCN					
20	Nguyễn Đức Thảo	18021230	260660	Chuẩn	30/04/2000	ĐHCN					
21											
22											

Danh sách gồm: ..... sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Số có mặt...

Số vắng mặt...

Giám thị 1: .....

Trong đó:

Đọc...

Nghe...

Viết...

Nói...

Giám thị 2: .....

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2022

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

STT	HỌ TÊN	MSSV	SBD	CTĐT	NGÀY SINH	TRƯỜNG	KỶ NỘP				Ghi chú
							Đọc	Nghe	Viết	Nói	
1	Trần Đức Thịnh	16022299	260661	Chuẩn	13/04/1998	ĐHCN					
2	Nguyễn Thị Kim Thoa	17050444	260662	Chuẩn	28/08/1999	ĐHKT					
3	Đặng Thị Hải Thơ	18000263	260663	Chuẩn	03/07/1999	ĐHKHTN					
4	Lý Hiền Thu	18050190	260664	Chuẩn	08/07/1999	ĐHKT					
5	Nguyễn Tài Thu	16001518	260665	Chuẩn	08/09/1998	ĐHKHTN					
6	Nguyễn Thị Thu	18050332	260666	Chuẩn	01/08/2000	ĐHKT					
7	Nguyễn Thị Hoài Thu	18021242	260667	Chuẩn	02/01/2000	ĐHCN					
8	Nguyễn Thị Thuận	16001867	260668	Chuẩn	11/10/1998	ĐHKHTN					
9	Sầm Văn Thuý	17060374	260669	Chuẩn	16/06/1999	K. Luật					
10	Nguyễn Phương Thuý	18040820	260670	Chuẩn	01/04/2000	ĐHNN					
11	Vũ Thanh Thuý	17041106	260671	Chuẩn	18/06/1999	ĐHNN					
12	Phạm Thị Phương Thuý	18050158	260672	Chuẩn	23/09/2000	ĐHKT					
13	Vũ Thị Minh Thuý	18000536	260673	Chuẩn	15/09/2000	ĐHKHTN					
14	Đào Trọng Thủy	16021177	260674	Chuẩn	08/06/1998	ĐHCN					
15	Nguyễn Thu Thủy	17010235	260675	Chuẩn	13/10/1999	ĐHGD					
16	Nguyễn Thu Thủy	18050155	260676	Chuẩn	16/08/2000	ĐHKT					
17	Trần Thị Thu Thủy	17041211	260677	Chuẩn	12/06/1998	ĐHNN					
18	Đinh Diệu Thúy	18010247	260678	Chuẩn	11/01/2000	ĐHGD					
19	Lê Phương Thúy	18000266	260679	Chuẩn	04/05/2000	ĐHKHTN					
20	Phạm Thị Minh Thuý	18050157	260680	Chuẩn	28/02/2000	ĐHKT					
21											
22											

Danh sách gồm: ..... sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Số có mặt...

Số vắng mặt...

Giám thị 1: .....

Trong đó:

Đọc...

Nghe...

Viết...

Nói...

Giám thị 2: .....

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2022

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

STT	HỌ TÊN	MSSV	SBD	CTĐT	NGÀY SINH	TRƯỜNG	KỶ NỘP				Ghi chú
							Đọc	Nghe	Viết	Nói	
1	Đặng Anh Thư	17100153	260681	Chuẩn	04/11/1999	K. Y-D					
2	Đặng Thị Thư	18031848	260682	Chuẩn	28/02/2000	KHXHNV					
3	Nguyễn Anh Thư	18050334	260683	Chuẩn	27/10/2000	ĐHKT					
4	Trần Thị Đăng Thư	18001284	260684	Chuẩn	14/05/2000	ĐHKHTN					
5	Lô Thị Huyền Thương	16020073	260685	Chuẩn	14/08/1996	ĐHCN					
6	Nguyễn Thị Hoài Thương	18000537	260686	Chuẩn	07/07/1999	ĐHKHTN					
7	Nguyễn Trọng Thường	18021258	260687	Chuẩn	28/01/2000	ĐHCN					
8	Lê Xuân Thương	17001517	260688	Chuẩn	03/01/1999	ĐHKHTN					
9	Nguyễn Thu Trà	18050165	260689	Chuẩn	21/09/2000	ĐHKT					
10	Dương Thị Kiều Trang	16100052	260690	Chuẩn	21/04/1998	K. Y-D					
11	Đào Huyền Trang	18021299	260691	Chuẩn	28/11/2000	ĐHCN					
12	Đào Thùy Trang	18000271	260692	Chuẩn	03/09/2000	ĐHKHTN					
13	Đặng Hạnh Trang	18040692	260693	Chuẩn	29/11/2000	ĐHNN					
14	Đỗ Huyền Trang	17000817	260694	Chuẩn	16/08/1999	ĐHKHTN					
15	Đỗ Thị Thu Trang	17001791	260695	Chuẩn	28/01/1999	ĐHKHTN					
16	Hoàng Hà Trang	18010264	260696	Chuẩn	03/01/2000	ĐHGD					
17	Hoàng Kim Trang	18041599	260697	Chuẩn	10/02/2000	ĐHNN					
18	Hoàng Thu Trang	18000096	260698	Chuẩn	04/10/2000	ĐHKHTN					
19	Kiều Thị Trang	18000274	260699	Chuẩn	13/08/2000	ĐHKHTN					
20	Lê Thanh Trang	18050348	260700	Chuẩn	14/12/2000	ĐHKT					
21											
22											

Danh sách gồm: ..... sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Số có mặt...

Số vắng mặt...

Giám thị 1: .....

Trong đó:

Đọc...

Nghe...

Viết...

Nói...

Giám thị 2: .....

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2022

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

Bài thi định dạng Vstep 3

Ngày thi: 26/03/2022

Phòng số : 36

P. 804 A2

STT	HỌ TÊN	MSSV	SBD	CTĐT	NGÀY SINH	TRƯỜNG	KÝ NỘP				Ghi chú
							Đọc	Nghe	Viết	Nói	
1	Lê Thị Huyền Trang	18010388	260701	Chuẩn	20/10/2000	ĐHGD					
2	Lê Thị Huyền Trang	18050349	260702	Chuẩn	03/03/2000	ĐHKT					
3	Lê Thị Huyền Trang	18050350	260703	Chuẩn	24/12/2000	ĐHKT					
4	Nguyễn Quỳnh Trang	18000750	260704	Chuẩn	17/01/2000	ĐHKHTN					
5	Nguyễn Thị Trang	18000277	260705	Chuẩn	19/08/2000	ĐHKHTN					
6	Nguyễn Thị Huyền Trang	17050374	260706	Chuẩn	08/10/1999	ĐHKT					
7	Nguyễn Thị Huyền Trang	18000540	260707	Chuẩn	22/08/2000	ĐHKHTN					
8	Nguyễn Thị Huyền Trang	18063151	260708	Chuẩn	31/10/2000	K. Luật					
9	Nguyễn Thị Thu Trang	18063139	260709	Chuẩn	15/07/1999	K. Luật					
10	Phạm Quỳnh Trang	18010562	260710	Chuẩn	28/07/2000	ĐHGD					
11	Phạm Thị Huyền Trang	18050176	260711	Chuẩn	12/02/2000	ĐHKT					
12	Phan Thị Huyền Trang	18021302	260712	Chuẩn	20/11/2000	ĐHCN					
13	Trần Hà Trang	18040725	260713	Chuẩn	31/03/2000	ĐHNN					
14	Trần Mỹ Hiền Trang	18021296	260714	Chuẩn	09/11/2000	ĐHCN					
15	Trần Thị Trang	18050358	260715	Chuẩn	03/12/2000	ĐHKT					
16	Trần Thị Minh Trang	18010255	260716	Chuẩn	20/08/2000	ĐHGD					
17	Trịnh Thị Thu Trang	18021298	260717	Chuẩn	27/11/2000	ĐHCN					
18	Trương Thị Trang	17100157	260718	Chuẩn	29/07/1999	K. Y-D					
19	Vũ Thị Quỳnh Trang	16000648	260719	Chuẩn	28/10/1998	ĐHKHTN					
20	Bùi Thị Trâm	18001288	260720	Chuẩn	16/09/2000	ĐHKHTN					
21											
22											

Danh sách gồm: ..... sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Số có mặt...

Số vắng mặt...

Giám thị 1: .....

Trong đó:

Đọc...

Nghe...

Viết...

Nói...

Giám thị 2: .....

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2022

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

Bài thi định dạng Vstep 3

Ngày thi: 26/03/2022

Phòng số : 37

P. 806 A2

STT	HỌ TÊN	MSSV	SBD	CTĐT	NGÀY SINH	TRƯỜNG	KÝ NỘP				Ghi chú
							Đọc	Nghe	Viết	Nói	
1	Đỗ Bảo Trâm	18061048	260721	Chuẩn	27/06/2000	K. Luật					
2	Trần Bảo Trân	17040298	260722	Chuẩn	26/10/1999	ĐHNN					
3	Nguyễn Phương Trinh	18040902	260723	Chuẩn	13/12/2000	ĐHNN					
4	Trần Tuyết Trinh	18041096	260724	Chuẩn	27/01/2000	ĐHNN					
5	Đặng Thanh Trọng	18001290	260725	Chuẩn	30/06/1996	ĐHKHTN					
6	Phạm Văn Trọng	18021313	260726	Chuẩn	17/07/2000	ĐHCN					
7	Hoàng Lê Trọng Trung	18021323	260727	Chuẩn	03/04/2000	ĐHCN					
8	Nguyễn Đắc Trung	18021329	260728	Chuẩn	04/07/2000	ĐHCN					
9	Nguyễn Hoàng Trung	18021320	260729	Chuẩn	12/11/2000	ĐHCN					
10	Phạm Duy Trung	18000545	260730	Chuẩn	29/06/2000	ĐHKHTN					
11	Trần Quang Trung	18021331	260731	Chuẩn	02/12/2000	ĐHNN					
12	Vũ Thành Trung	18021318	260732	Chuẩn	09/04/2000	ĐHCN					
13	Nguyễn Đắc Trường	18021336	260733	Chuẩn	07/09/2000	ĐHCN					
14	Trương Huy Trường	18001291	260734	Chuẩn	11/02/2000	ĐHKHTN					
15	Lê Thị Thu Uyên	18010398	260735	Chuẩn	11/01/2000	ĐHGD					
16	Nguyễn Thu Uyên	16001545	260736	Chuẩn	23/03/1998	ĐHKHTN					
17	Vũ Thu Uyên	18031148	260737	Chuẩn	11/08/2000	KHXHNV					
18	Trần Anh Văn	18063123	260738	Chuẩn	29/03/2000	K. Luật					
19	Trần Ngọc Văn	18001014	260739	Chuẩn	26/10/2000	ĐHKHTN					
20	Bùi Thị Anh vân	18050365	260740	Chuẩn	22/10/2000	ĐHKT					
21											
22											

Danh sách gồm: ..... sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Số có mặt...

Số vắng mặt...

Giám thị 1: .....

Trong đó:

Đọc...

Nghe...

Viết...

Nói...

Giám thị 2: .....

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2022

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

Bài thi định dạng Vstep 3

Ngày thi: 26/03/2022

Phòng số : 38

P. 810 A2

STT	HỌ TÊN	MSSV	SBD	CTĐT	NGÀY SINH	TRƯỜNG	KÝ NỘP				Ghi chú
							Đọc	Nghe	Viết	Nói	
1	Đỗ Khánh Vân	18050366	260741	Chuẩn	07/04/2000	ĐHKT					
2	Đỗ Tường Vân	18050367	260742	Chuẩn	23/07/2000	ĐHKT					
3	Hà Thị Vân	17050538	260743	Chuẩn	23/03/1997	ĐHKT					
4	Ma Nguyễn Thủy Vân	18040198	260744	Chuẩn	27/08/2000	ĐHNN					
5	Nguyễn Thị Thảo Vân	18000692	260745	Chuẩn	02/12/2000	ĐHKHTN					
6	Phạm Thị Vân	18050369	260746	Chuẩn	11/06/2000	ĐHKT					
7	Võ Thị Vân	18021415	260747	Chuẩn	06/04/2000	ĐHCN					
8	Vũ Thuý Vân	17010241	260748	Chuẩn	22/07/1999	ĐHGD					
9	Đỗ Thị Hà Vi	18063155	260749	Chuẩn	11/07/2000	K. Luật					
10	Hoàng Thị Viên	18050185	260750	Chuẩn	12/08/2000	ĐHKT					
11	Nguyễn Quang Vinh	18020065	260751	Chuẩn	24/12/2000	ĐHCN					
12	Nguyễn Trọng Vinh	18001222	260752	Chuẩn	22/12/2000	ĐHKHTN					
13	Hoàng Tuấn Vũ	18021439	260753	Chuẩn	15/04/1999	ĐHCN					
14	Nguyễn Văn Vũ	18001739	260754	Chuẩn	25/10/1997	ĐHKHTN					
15	Bùi Thị Vui	17001374	260755	Chuẩn	04/09/1998	ĐHKHTN					
16	Hoàng Thị Vui	18050371	260756	Chuẩn	22/12/2000	ĐHKT					
17	Nguyễn Xuân Vượng	18001015	260757	Chuẩn	01/09/2000	ĐHKHTN					
18	Vũ Văn Vỹ	18021448	260758	Chuẩn	14/05/2000	ĐHCN					
19	Nguyễn Tiến Xuân	16020028	260759	Chuẩn	06/06/1998	ĐHCN					
20	Nguyễn Thị Xuân	18041072	260760	Chuẩn	24/11/2000	ĐHNN					
21	Nguyễn Thị Xuyên	16031947	260761	Chuẩn	26/10/1998	KHXHNV					
22	Hoàng Hải Yến	18041052	260762	Chuẩn	18/08/2000	ĐHNN					
23	Khương Thị Bảo Yến	16002451	260763	Chuẩn	02/02/1998	ĐHKHTN					
24	Trần Thị Yến	17100165	260764	Chuẩn	23/02/1999	K. Y-D					
25	Trịnh Thị Yến	17000283	260765	Chuẩn	21/07/1999	ĐHKHTN					

Danh sách gồm: ..... sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Số có mặt...

Số vắng mặt...

Giám thị 1: .....

Trong đó:

Đọc...

Nghe...

Viết...

Nói...

Giám thị 2: .....

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2022

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

STT	HỌ TÊN	MSSV	SBD	CTĐT	NGÀY SINH	TRƯỜNG	KỶ NỘP				Ghi chú
							Đọc	Nghe	Viết	Nói	
1	Nguyễn Học An	18000287	260766	CLCVNU	19/02/2000	ĐHKHTN					
2	Bùi Lan Hương Anh	18041346	260767	CLCTT23	15/06/1999	ĐHNN					
3	Đỗ Hải Anh	18041366	260768	CLCTT23	14/02/2000	ĐHNN					
4	Hoàng Minh Đức Anh	18020003	260769	CLCVNU	10/10/2000	ĐHCN					
5	Hoàng Vũ Duy Anh	18020001	260770	CLCVNU	12/12/2000	ĐHCN					
6	Lê Đức Anh	18000554	260771	Tiên tiến	02/10/2000	ĐHKHTN					
7	Nguyễn Phúc Anh	18000555	260772	Tiên tiến	09/04/2000	ĐHKHTN					
8	Phạm Nam Anh	18001508	260773	CLCTT23	08/07/1999	ĐHKHTN					
9	Phan Quỳnh Anh	18041454	260774	CLCTT23	29/08/2000	ĐHNN					
10	Trần Phương Anh	18041249	260775	CLCTT23	31/10/2000	ĐHNN					
11	Trịnh Quỳnh Anh	18041395	260776	CLCTT23	05/12/2000	ĐHNN					
12	Đào Ngọc Ánh	18000294	260777	CLCTT23	28/11/2000	ĐHKHTN					
13	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	18000011	260778	Chuẩn QT	07/02/2000	ĐHKHTN					
14	Trịnh Thị Ngọc Ánh	18000124	260779	Chuẩn QT	26/01/2000	ĐHKHTN					
15	Nguyễn Phú Bình	18001988	260780	Tài năng	01/06/2000	ĐHKHTN					
16	Chữ Thị Mai Chi	18041317	260781	CLCTT23	27/01/2000	ĐHNN					
17	Lê Vân Chi	19040057	260782	CLCTT23	25/07/2001	ĐHNN					
18	Phí Linh Chi	18001023	260783	CLCTT23	04/05/2000	ĐHKHTN					
19	Ngô Thị Chúc	18000302	260784	CLCTT23	22/10/2000	ĐHKHTN					
20	Nguyễn Thị Thùy Dung	18041444	260785	CLCTT23	23/09/2000	ĐHNN					
21											
22											

Danh sách gồm: ..... sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Số có mặt...

Số vắng mặt...

Giám thị 1: .....

Trong đó:

Đọc...

Nghe...

Viết...

Nói...

Giám thị 2: .....

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2022

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

STT	HỌ TÊN	MSSV	SBD	CTĐT	NGÀY SINH	TRƯỜNG	KỶ NỘP				Ghi chú
							Đọc	Nghe	Viết	Nói	
1	Lê Quang Duy	18020413	260786	CLCVNU	30/12/2000	ĐHCN					
2	Phan Hữu Duy	18020015	260787	CLCVNU	16/10/2000	ĐHCN					
3	Trần Bá Dương	18000622	260788	Chuẩn QT	23/09/2000	ĐHKHTN					
4	Nguyễn Đình Đại	17020003	260789	CLCVNU	10/12/1999	ĐHCN					
5	Hà Hải Đăng	16020114	260790	CLCVNU	15/11/1998	ĐHCN					
6	Nguyễn Ngọc Đăng	17020077	260791	CLCVNU	14/08/1999	ĐHCN					
7	Nguyễn Khánh Hải	16002298	260792	Chuẩn QT	06/05/1998	ĐHKHTN					
8	Nguyễn Long Hải	18001037	260793	CLCTT23	10/06/2000	ĐHKHTN					
9	Đặng Thị Hồng Hạnh	18030089	260794	CLCVNU	08/01/2000	KHXHNV					
10	Vũ Thị Ngọc Hân	18041378	260795	CLCTT23	31/12/2000	ĐHNN					
11	Bùi Trần Thanh Hiền	20041813	260796	CLCTT23	26/09/2000	ĐHNN					
12	Nguyễn Thị Thu Hoài	18000035	260797	Chuẩn QT	19/09/2000	ĐHKHTN					
13	Lê Ngọc Huyền	18041455	260798	CLCTT23	16/11/2000	ĐHNN					
14	Ngô Ngọc Huyền	18041263	260799	CLCTT23	25/11/2000	ĐHNN					
15	Nguyễn Thị Thanh Huyền	18041355	260800	CLCTT23	12/02/2000	ĐHNN					
16	Nguyễn Thị Mai Hương	18000190	260801	Chuẩn QT	14/02/2000	ĐHKHTN					
17	Ninh Tiến Linh	17000443	260802	Tiến tiến	25/02/1999	ĐHKHTN					
18	Nguyễn Diệu Linh	18041391	260803	CLCTT23	09/12/2000	ĐHNN					
19	Phạm Ngọc Phương Linh	18041372	260804	CLCTT23	04/12/2000	ĐHNN					
20	Vũ Tố Linh	16003452	260805	CLCVNU	14/04/1998	ĐHKHTN					
21											
22											

Danh sách gồm: ..... sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Số có mặt...

Số vắng mặt...

Giám thị 1: .....

Trong đó:

Đọc...

Nghe...

Viết...

Nói...

Giám thị 2: .....

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2022

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

Bài thi định dạng Vstep 3-5

Ngày thi: 26/03/2022

Phòng số : 41

P 203 C1

STT	HỌ TÊN	MSSV	SBD	CTĐT	NGÀY SINH	TRƯỜNG	KỸ NỢP				Ghi chú
							Đọc	Nghe	Viết	Nói	
1	Bùi Thị Loan	18041439	260806	CLCTT23	04/02/2000	ĐHNN					
2	Nguyễn Đình Long	18000329	260807	CLCVNU	07/03/2000	ĐHKHTN					
3	Vũ Thị Duy Ly	17001830	260808	Tài năng	25/04/1999	ĐHKHTN					
4	Cao Duy Mạnh	18020039	260809	CLCVNU	19/12/2000	ĐHCN					
5	Đặng Thị Ngà	18001566	260810	Chuẩn QT	08/06/2000	ĐHKHTN					
6	Dương Thị Nghĩa	16000756	260811	CLCVNU	19/07/1998	ĐHKHTN					
7	Đinh Thị Thu Phương	18001766	260812	CLCVNU	14/05/2000	ĐHKHTN					
8	Cao Nhật Quang	18041137	260813	CLCTT23	26/01/2000	ĐHNN					
9	Lê Phong Quang	17001914	260814	CLCTT23	14/01/1997	ĐHKHTN					
10	Lê Quang Quân	18020046	260815	CLCVNU	06/09/2000	ĐHCN					
11	Đỗ Thị Nhật Quyên	18001580	260816	Tài năng	12/04/2000	ĐHKHTN					
12	Nguyễn Thị Quỳnh	17000240	260817	Tài năng	19/01/1999	ĐHKHTN					
13	Lê Thị Cẩm Tú	18000244	260818	Chuẩn QT	12/07/2000	ĐHKHTN					
14	Nguyễn Cẩm Tú	18041259	260819	CLCTT23	25/08/2000	ĐHNN					
15	Trần Quang Tú	17000630	260820	CLCVNU	25/01/1999	ĐHKHTN					
16	Lê Trần Hải Tùng	18021388	260821	CLCVNU	04/09/2000	ĐHCN					
17	Nguyễn Thạch Thảo	18041374	260822	CLCTT23	20/05/2000	ĐHNN					
18	Nguyễn Thị Phương Thảo	18041436	260823	CLCTT23	27/05/2000	ĐHNN					
19	Phạm Thị Thắm	18000357	260824	CLCTT23	09/05/2000	ĐHKHTN					
20	Trịnh Ngô Minh Thăng	18000682	260825	Tài năng	03/03/2000	ĐHKHTN					
21											
22											

Danh sách gồm: ..... sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Số có mặt...

Số vắng mặt...

Giám thị 1: .....

Trong đó:

Đọc...

Nghe...

Viết...

Nói...

Giám thị 2: .....

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2022

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

STT	HỌ TÊN	MSSV	SBD	CTĐT	NGÀY SINH	TRƯỜNG	KỶ NỘP				Ghi chú
							Đọc	Nghe	Viết	Nói	
1	Nguyễn Đức Thắng	18021145	260826	CLCVNU	19/06/2000	ĐHCN					
2	Nguyễn Hữu Thìn	18021221	260827	CLCVNU	05/02/2000	ĐHCN					
3	Tăng Đức Thịnh	18021233	260828	CLCVNU	16/12/2000	ĐHCN					
4	Trần Thị Thịnh	18041328	260829	CLCTT23	05/04/2000	ĐHNN					
5	Nguyễn Thị Thu	18000264	260830	Tài năng	11/01/2000	ĐHKHTN					
6	Phạm Thanh Thúy	18001594	260831	CLCTT23	15/09/2000	ĐHKHTN					
7	Đỗ Anh Thư	18041348	260832	CLCTT23	23/03/2000	ĐHNN					
8	Phạm Thanh Trà	18000538	260833	Tài năng	21/09/2000	ĐHKHTN					
9	Vũ Huyền Trang	18000103	260834	Tài năng	03/03/2000	ĐHKHTN					
10	Vũ Quỳnh Trang	18021301	260835	CLCVNU	15/01/2000	ĐHCN					
11	Bùi Minh Trí	18000464	260836	Chuẩn QT	26/10/2000	ĐHKHTN					
12	Nguyễn Thành Trung	18000280	260837	Chuẩn QT	15/09/2000	ĐHKHTN					
13	Nguyễn Xuân Trường	18020057	260838	CLCVNU	28/06/2000	ĐHCN					
14	Đoàn Thị Uyên	18041332	260839	CLCTT23	01/01/2000	ĐHNN					
15	Trịnh Thị Tú Uyên	18041452	260840	CLCTT23	04/07/2000	ĐHNN					
16	Đình Quang Vũ	17020069	260841	CLCVNU	16/10/1999	ĐHCN					
17	Lê Thị Kim Xuân	18041345	260842	CLCTT23	21/12/2000	ĐHNN					
18	Ngô Thị Hải Yến	18001609	260843	CLCTT23	05/08/2000	ĐHKHTN					
19	Nguyễn Hải Yến	18041340	260844	CLCTT23	28/10/2000	ĐHNN					
20	Nguyễn Thị Yến	18041422	260845	CLCTT23	31/01/2000	ĐHNN					
21	Nguyễn Thị Hải Yến	17000856	260846	Tài năng	14/09/1999	ĐHKHTN					
22											

Danh sách gồm: ..... sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Số có mặt...

Số vắng mặt...

Giám thị 1: .....

Trong đó:

Đọc...

Nghe...

Viết...

Nói...

Giám thị 2: .....

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2022

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

STT	HỌ TÊN	MSSV	SBD	CTĐT	NGÀY SINH	TRƯỜNG	KÝ NỘP				Ghi chú
							Đọc	Nghe	Viết	Nói	
1	Nguyễn Đăng An	18020112	260847	CLCTT23	22/06/2000	ĐHCN					
2	Bùi Thị Linh Anh	18050990	260848	CLCTT23	16/08/2000	ĐHKT					
3	Đào Thị Quỳnh Anh	18050854	260849	CLCTT23	03/09/2000	ĐHKT					
4	Đình Vĩnh Anh	18020119	260850	CLCTT23	05/08/2000	ĐHCN					
5	Đỗ Phương Anh	18050379	260851	CLCTT23	06/10/2000	ĐHKT					
6	Hoàng Đức Anh	18020138	260852	CLCTT23	17/09/2000	ĐHCN					
7	Hoàng Ngọc Anh	18050993	260853	CLCTT23	29/10/2000	ĐHKT					
8	Hoàng Thị Vân Anh	18050655	260854	CLCTT23	08/11/2000	ĐHKT					
9	Hoàng Việt Anh	18020167	260855	CLCTT23	26/02/2000	ĐHCN					
10	Hồ Thiên Anh	18050381	260856	CLCTT23	06/11/2000	ĐHKT					
11	Khúc Thị Phương Anh	18062004	260857	CLCTT23	04/01/2000	K. Luật					
12	Lê Vũ Thị Vân Anh	18050385	260858	CLCTT23	13/05/2000	ĐHKT					
13	Nguyễn Đức Anh	16051011	260859	CLCTT23	28/05/1998	ĐHKT					
14	Nguyễn Lê Phương Anh	18050660	260860	CLCTT23	31/07/2000	ĐHKT					
15	Nguyễn Ngọc Anh	18050661	260861	CLCTT23	22/01/2000	ĐHKT					
16	Nguyễn Quỳnh Anh	18050388	260862	CLCTT23	19/03/2000	ĐHKT					
17	Nguyễn Thị Tuyết Anh	18050665	260863	CLCTT23	26/04/2000	ĐHKT					
18	Trần Đức Anh	18020131	260864	CLCTT23	03/02/2000	ĐHCN					
19	Trần Tuấn Anh	18020149	260865	CLCTT23	21/06/2000	ĐHCN					
20	Trần Văn Anh	18062007	260866	CLCTT23	07/09/2000	K. Luật					
21											
22											

Danh sách gồm: ..... sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Số có mặt...

Số vắng mặt...

Giám thị 1: .....

Trong đó:

Đọc...

Nghe...

Viết...

Nói...

Giám thị 2: .....

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2022

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

STT	HỌ TÊN		MSSV	SBD	CTĐT	NGÀY SINH	TRƯỜNG	KÝ NỢP				Ghi chú
								Đọc	Nghe	Viết	Nói	
1	Vũ Thị Lan	Anh	18050402	260867	CLCTT23	15/09/2000	ĐHKT					
2	Giáp Ngọc	Ánh	18050676	260868	CLCTT23	14/01/2000	ĐHKT					
3	Hồ Ngọc	Ánh	18051009	260869	CLCTT23	04/05/2000	ĐHKT					
4	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	18050407	260870	CLCTT23	04/10/2000	ĐHKT					
5	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	18051010	260871	CLCTT23	14/10/2000	ĐHKT					
6	Đặng Đức	Cánh	18020219	260872	CLCTT23	18/07/2000	ĐHCN					
7	Nguyễn Đức	Công	18020245	260873	CLCTT23	28/10/2000	ĐHCN					
8	Trịnh Kim	Chi	18051014	260874	CLCTT23	29/12/2000	ĐHKT					
9	Vũ Kim	Chi	18050685	260875	CLCTT23	14/05/2000	ĐHKT					
10	Nguyễn Thị	Chung	18050686	260876	CLCTT23	25/05/2000	ĐHKT					
11	Lê Thùy	Dung	18050428	260877	CLCTT23	25/09/2000	ĐHKT					
12	Phạm Thuỳ	Dung	18051020	260878	CLCTT23	13/02/2000	ĐHKT					
13	Trần Thị Phương	Dung	18051021	260879	CLCTT23	17/06/2000	ĐHKT					
14	Đỗ Quang	Dũng	18050429	260880	CLCTT23	04/04/2000	ĐHKT					
15	Trần Thị	Duyên	18051025	260881	CLCTT23	01/11/2000	ĐHKT					
16	Nguyễn Tất	Đạt	18020009	260882	CLCTT23	01/02/2000	ĐHCN					
17	Đào Minh	Đức	18020336	260883	CLCTT23	19/11/2000	ĐHCN					
18	Lê Hà	Giang	17050672	260884	CLCTT23	17/09/1999	ĐHKT					
19	Nguyễn Thị Hương	Giang	18051030	260885	CLCTT23	25/10/2000	ĐHKT					
20	Nguyễn Thu	Giang	18062029	260886	CLCTT23	08/12/2000	K. Luật					
21												
22												

Danh sách gồm: ..... sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Số có mặt...

Số vắng mặt...

Giám thị 1: .....

Trong đó:

Đọc...

Nghe...

Viết...

Nói...

Giám thị 2: .....

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2022

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

STT	HỌ TÊN	MSSV	SBD	CTĐT	NGÀY SINH	TRƯỜNG	KÝ NỢP				Ghi chú
							Đọc	Nghe	Viết	Nói	
1	Vũ Thanh Giang	18062043	260887	CLCTT23	19/09/2000	K. Luật					
2	Vũ Trường Giang	18050704	260888	CLCTT23	13/04/2000	ĐHKT					
3	Nguyễn Thị Thu Hà	18050443	260889	CLCTT23	18/12/2000	ĐHKT					
4	Vũ Ngọc Hà	18050708	260890	CLCTT23	15/06/2000	ĐHKT					
5	Nguyễn Phúc Hải	18020439	260891	CLCTT23	29/03/2000	ĐHCN					
6	Bùi Thu Hằng	18051037	260892	CLCTT23	08/11/2000	ĐHKT					
7	Hoàng Thuý Hằng	16051044	260893	CLCTT23	15/05/1998	ĐHKT					
8	Trương Thị Hằng	18050449	260894	CLCTT23	20/05/2000	ĐHKT					
9	Đàm Thị Ngọc Hân	18051036	260895	CLCTT23	26/01/2000	ĐHKT					
10	Trần Mạnh Hiếu	18020017	260896	CLCTT23	01/01/2000	ĐHCN					
11	Lê Thị Hoa	18051047	260897	CLCTT23	05/06/2000	ĐHKT					
12	Trần Mỹ Hoa	17050590	260898	CLCTT23	15/06/1999	ĐHKT					
13	Nguyễn Khánh Hoà	18050461	260899	CLCTT23	24/08/2000	ĐHKT					
14	Bùi Đức Hoàng	18050850	260900	CLCTT23	10/07/2000	ĐHKT					
15	Phạm Huy Hoàng	18050901	260901	CLCTT23	26/12/2000	ĐHKT					
16	Trần Long Hoàng	18020555	260902	CLCTT23	26/10/2000	ĐHCN					
17	Nguyễn Ánh Hồng	18050465	260903	CLCTT23	16/09/2000	ĐHKT					
18	Nguyễn Thị Huệ	18050724	260904	CLCTT23	14/09/2000	ĐHKT					
19	Tạ Thị Thu Huệ	18050725	260905	CLCTT23	12/06/2000	ĐHKT					
20	Phan Thu Huệ	18050466	260906	CLCTT23	08/07/2000	ĐHKT					
21											
22											

Danh sách gồm: ..... sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Số có mặt...

Số vắng mặt...

Giám thị 1: .....

Trong đó:

Đọc...

Nghe...

Viết...

Nói...

Giám thị 2: .....

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2022

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

STT	HỌ TÊN	MSSV	SBD	CTĐT	NGÀY SINH	TRƯỜNG	KÝ NỢP				Ghi chú
							Đọc	Nghe	Viết	Nói	
1	Đình Xuân Hùng	18020599	260907	CLCTT23	03/01/2000	ĐHCN					
2	Đỗ Duy Hùng	18050467	260908	CLCTT23	11/09/2000	ĐHKT					
3	Đỗ Quang Huy	18020654	260909	CLCTT23	08/04/2000	ĐHCN					
4	Kiều Quang Huy	18050905	260910	CLCTT23	11/03/2000	ĐHKT					
5	Ngô Quang Huy	18050730	260911	CLCTT23	18/04/2000	ĐHKT					
6	Lê Kim Huyền	18051053	260912	CLCTT23	01/10/2000	ĐHKT					
7	Phạm Thị Thanh Huyền	18050483	260913	CLCTT23	05/09/2000	ĐHKT					
8	Vũ Thị Thanh Huyền	16051060	260914	CLCTT23	17/07/1998	ĐHKT					
9	Lê Đức Hưng	18062016	260915	CLCTT23	05/12/2000	K. Luật					
10	Lê Thị Minh Hương	18051050	260916	CLCTT23	04/07/2000	ĐHKT					
11	Nguyễn Thị Thu Hường	18050477	260917	CLCTT23	27/11/2000	ĐHKT					
12	Nguyễn Trung Kiên	18050909	260918	CLCTT23	24/04/2000	ĐHKT					
13	Bùi Đức Khải	18020670	260919	CLCTT23	29/11/2000	ĐHCN					
14	Nguyễn Quốc Khánh	18050487	260920	CLCTT23	02/09/2000	ĐHKT					
15	Vũ Hoàng Lan	18050911	260921	CLCTT23	18/04/2000	ĐHKT					
16	Vương Vũ Ngọc Liên	18050493	260922	CLCTT23	29/10/2001	ĐHKT					
17	Doãn Thị Thùy Linh	18050741	260923	CLCTT23	24/09/2000	ĐHKT					
18	Đặng Thị Nhật Linh	18051061	260924	CLCTT23	28/02/2000	ĐHKT					
19	Lê Thị Diệu Linh	18051064	260925	CLCTT23	28/03/2000	ĐHKT					
20	Ngô Khánh Linh	18050746	260926	CLCTT23	26/07/2000	ĐHKT					
21											
22											

Danh sách gồm: ..... sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Số có mặt...

Số vắng mặt...

Giám thị 1: .....

Trong đó:

Đọc...

Nghe...

Viết...

Nói...

Giám thị 2: .....

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2022

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

STT	HỌ TÊN	MSSV	SBD	CTĐT	NGÀY SINH	TRƯỜNG	KỸ NỢP				Ghi chú
							Đọc	Nghe	Viết	Nói	
1	Nguyễn Khánh Linh	18050498	260927	CLCTT23	03/11/2000	ĐHKT					
2	Nguyễn Thị Thùy Linh	18050500	260928	CLCTT23	08/08/2000	ĐHKT					
3	Nguyễn Thị Thùy Linh	18050919	260929	CLCTT23	20/11/2000	ĐHKT					
4	Tô Khánh Linh	18050503	260930	CLCTT23	29/11/2000	ĐHKT					
5	Vũ Thùy Linh	18050753	260931	CLCTT23	16/08/1999	ĐHKT					
6	Hồ Tuấn Long	18020810	260932	CLCTT23	17/04/2000	ĐHCN					
7	Nguyễn Phi Long	18020792	260933	CLCTT23	21/09/2000	ĐHCN					
8	Nguyễn Tuấn Long	18020795	260934	CLCTT23	24/08/2000	ĐHCN					
9	Nguyễn Việt Long	18020793	260935	CLCTT23	28/03/2000	ĐHCN					
10	Mai Xuân Minh	18020907	260936	CLCTT23	09/03/2000	ĐHCN					
11	Trần Công Minh	18020909	260937	CLCTT23	30/06/2000	ĐHCN					
12	Vũ Thị Nhật Minh	18050526	260938	CLCTT23	17/08/2000	ĐHKT					
13	Bùi Trà My	18050527	260939	CLCTT23	03/07/2000	ĐHKT					
14	Nguyễn Hằng Nga	18050531	260940	CLCTT23	02/10/2000	ĐHKT					
15	Hoàng Mai Ngân	18050775	260941	CLCTT23	18/09/2000	ĐHKT					
16	Đỗ Minh Ngọc	17050629	260942	CLCTT23	09/12/1999	ĐHKT					
17	Lê Tuấn Ngọc	18050534	260943	CLCTT23	08/10/2000	ĐHKT					
18	Phạm Hoài Ngọc	18050782	260944	CLCTT23	08/12/2000	ĐHKT					
19	Lê Quang Nhật	18020975	260945	CLCTT23	06/12/2000	ĐHCN					
20	Tào Lê Yên Nhi	18050945	260946	CLCTT23	15/03/2000	ĐHKT					
21											
22											

Danh sách gồm: ..... sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Số có mặt...

Số vắng mặt...

Giám thị 1: .....

Trong đó:

Đọc...

Nghe...

Viết...

Nói...

Giám thị 2: .....

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2022

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

STT	HỌ TÊN	MSSV	SBD	CTĐT	NGÀY SINH	TRƯỜNG	KỶ NỘP				Ghi chú
							Đọc	Nghe	Viết	Nói	
1	Cao Cẩm Nhung	18020981	260947	CLCTT23	13/12/2000	ĐHCN					
2	Lưu Thị Hồng Nhung	18050543	260948	CLCTT23	27/07/2000	ĐHKT					
3	Phùng Đỗ Tâm Như	18050789	260949	CLCTT23	03/09/2000	ĐHKT					
4	Phạm Kim Oanh	17050708	260950	CLCTT23	08/07/1999	ĐHKT					
5	Lâm Hải Phong	16020155	260951	CLCTT23	09/07/1998	ĐHCN					
6	Đỗ Mai Phương	18051088	260952	CLCTT23	21/08/2000	ĐHKT					
7	Đỗ Ngọc Phương	18051089	260953	CLCTT23	06/08/2000	ĐHKT					
8	Nguyễn Đỗ Thu Phương	18050550	260954	CLCTT23	05/08/2000	ĐHKT					
9	Nguyễn Thị Thanh Phương	18050798	260955	CLCTT23	30/09/2000	ĐHKT					
10	Đào Thị Phương	18050800	260956	CLCTT23	11/09/2000	ĐHKT					
11	Lê Anh Quân	18021033	260957	CLCTT23	23/05/2000	ĐHCN					
12	Hoàng Như Quỳnh	18021069	260958	CLCTT23	19/08/2000	ĐHCN					
13	Nguyễn Hoàng Quỳnh	18062026	260959	CLCTT23	30/10/1999	K. Luật					
14	Nguyễn Thị Hương Quỳnh	18050804	260960	CLCTT23	25/11/1999	ĐHKT					
15	Vũ Thị Quỳnh	18050565	260961	CLCTT23	06/03/2000	ĐHKT					
16	Vũ Ngọc Sang	16020164	260962	CLCTT23	25/04/1998	ĐHCN					
17	Ngô Thị Thuỷ Sinh	18050953	260963	CLCTT23	10/03/2000	ĐHKT					
18	Chu Đỗ Hoàng Sơn	18050805	260964	CLCTT23	10/01/2000	ĐHKT					
19	Ninh Văn Sơn	18050806	260965	CLCTT23	07/08/2000	ĐHKT					
20	Nguyễn Huy Sơn	18021102	260966	CLCTT23	18/10/2000	ĐHCN					
21											
22											

Danh sách gồm: ..... sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Số có mặt...

Số vắng mặt...

Giám thị 1: .....

Trong đó:

Đọc...

Nghe...

Viết...

Nói...

Giám thị 2: .....

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2022

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

STT	HỌ TÊN	MSSV	SBD	CTĐT	NGÀY SINH	TRƯỜNG	KÝ NỘP				Ghi chú
							Đọc	Nghe	Viết	Nói	
1	Đình Thị Tăng	18050955	260967	CLCTT23	20/12/2000	ĐHKT					
2	Lê Khánh Tâm	18050567	260968	CLCTT23	25/11/2000	ĐHKT					
3	Nguyễn Minh Tân	18020050	260969	CLCTT23	08/02/2000	ĐHCN					
4	Trần Thuỷ Tiên	18050598	260970	CLCTT23	17/03/2000	ĐHKT					
5	Phạm Ngọc Toàn	18021286	260971	CLCTT23	10/04/2000	ĐHCN					
6	Nguyễn Thị Phương Thảo	18050581	260972	CLCTT23	08/11/2000	ĐHKT					
7	Nguyễn Thị Phương Thảo	18050582	260973	CLCTT23	16/02/2000	ĐHKT					
8	Phạm Thương Thảo	18050585	260974	CLCTT23	08/04/2000	ĐHKT					
9	Triệu Phương Thảo	18051107	260975	CLCTT23	10/01/2000	ĐHKT					
10	Đỗ Trịnh Quốc Thắng	18021159	260976	CLCTT23	05/06/2000	ĐHCN					
11	Hồ Văn Thép	18021206	260977	CLCTT23	19/05/2000	ĐHCN					
12	Chu Quang Thế	18021202	260978	CLCTT23	17/11/2000	ĐHCN					
13	Lê Thái Thịnh	18021228	260979	CLCTT23	24/04/2000	ĐHCN					
14	Thiều Minh Thịnh	17021340	260980	CLCTT23	22/11/1999	ĐHCN					
15	Nguyễn Thị Thoa	17050720	260981	CLCTT23	29/09/1999	ĐHKT					
16	Lê Trung Thông	17021341	260982	CLCTT23	19/11/1999	ĐHCN					
17	Phạm Thị Thu Thuỷ	18050824	260983	CLCTT23	01/05/2000	ĐHKT					
18	Hoàng Thị Thu Thủy	18050594	260984	CLCTT23	20/10/2000	ĐHKT					
19	Nguyễn Thị Hoài Thương	18051111	260985	CLCTT23	28/12/2000	ĐHKT					
20	Chu Huyền Trang	17050723	260986	CLCTT23	31/01/1999	ĐHKT					
21											
22											

Danh sách gồm: ..... sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Số có mặt...

Số vắng mặt...

Giám thị 1: .....

Trong đó:

Đọc...

Nghe...

Viết...

Nói...

Giám thị 2: .....

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2022

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

STT	HỌ TÊN	MSSV	SBD	CTĐT	NGÀY SINH	TRƯỜNG	KÝ NỢP				Ghi chú
							Đọc	Nghe	Viết	Nói	
1	Đinh Hoàng Hạnh Trang	18050828	260987	CLCTT23	12/10/2000	ĐHKT					
2	Đoàn Minh Trang	18051119	260988	CLCTT23	26/04/2000	ĐHKT					
3	Đỗ Huyền Trang	17050724	260989	CLCTT23	13/09/1999	ĐHKT					
4	Đỗ Thị Trang	18050602	260990	CLCTT23	26/05/2000	ĐHKT					
5	Lưu Quỳnh Trang	18050833	260991	CLCTT23	16/08/2000	ĐHKT					
6	Nguyễn Phương Trang	18050605	260992	CLCTT23	03/08/2000	ĐHKT					
7	Nguyễn Thị Thu Trang	17050727	260993	CLCTT23	10/11/1999	ĐHKT					
8	Trương Thị Trâm	18050601	260994	CLCTT23	10/02/2000	ĐHKT					
9	Nguyễn Thị Ngọc Trinh	18050975	260995	CLCTT23	16/02/2000	ĐHKT					
10	Nguyễn Mạnh Trường	18050977	260996	CLCTT23	16/10/2000	ĐHKT					
11	Phan Thị Thanh Uyên	18051124	260997	CLCTT23	08/12/2000	ĐHKT					
12	Hoàng Long Tùng Vân	18050981	260998	CLCTT23	21/09/2000	ĐHKT					
13	Phạm Thanh Xuân	18051128	260999	CLCTT23	17/03/2000	ĐHKT					
14	Hà Thị Hải Yến	17050734	261000	CLCTT23	04/07/1999	ĐHKT					
15	Nguyễn Thị Yến	18050986	261001	CLCTT23	30/06/2000	ĐHKT					
16											
17											
18											
19											
20											
21											
22											

Danh sách gồm: ..... sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Số có mặt...

Số vắng mặt...

Giám thị 1: .....

Trong đó:

Đọc...

Nghe...

Viết...

Nói...

Giám thị 2: .....

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2022

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**